Hướng dẫn du học Nhật Bản

2021-2022

Independent Administrative Institution
Japan Student Services Organization
JASSO

STUDY in JAPAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Bản tiếng Việt / Vietnamese

Chương 1: Những điều cần biết về Du học Nhật Bản

01 Sức hấp dẫn của Du học Nhật Bản
02 Nhật Bản là đất nước như thế nào?
04 Vì sao nên đi du học Nhật Bản?
05 Lý do tôi quyết định đi du học Nhật Bản?
06 Nhật ký Campus 1
07 Lập kế hoạch du học
08 Lịch trình

Chương 2: Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

10 Hệ thống giáo dục Nhật Bản
12 Đại học (Khoa), Cao đẳng
14 Sau đại học
17 Chương trình học bằng tiếng Anh
18 Du học ngắn hạn, học chuyển tiếp
19 Trường kỹ thuật chuyên nghiệp
20 Trường dạy nghề
(Khóa chuyên môn trường dạy nghề)
22 Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật
24 Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)
26 Các kỳ thi cần thiết cho Du học Nhật Bản
27 Nhật ký Campus 2

Chương 3: Những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản

28 Thủ tục nhập cảnh
32 Chi phí cần thiết khi du học
33 Chi phí sinh hoạt, giá cả
34 Học phí
36 Học bổng
38 Làm thêm
39 Nhà ở
40 Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thiệt hại,
Bảo hiểm KYOSAI (BH tương hỗ của Hiệp hội sinh viên)
41 Thực tập (Internship)
42 Tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản

Chương 4: Các thông tin khác

43 Dữ liệu thống kê về Du học Nhật Bản
44 Hỏi đáp về du học Nhật Bản/Hoạt động thúc đẩy Du học Nhật Bản tại nước ngoài
45 Tổng hợp thông tin

Nguồn ảnh: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI), Đại học Kyoto, Đại học nữ sinh Ochanomizu, Đại học Sophia, Đại học Tokai, Học viện Anabuki, Trường dạy nghề Laugh & Peace Entertainment School Okinawa, Công ty Ajinomoto Brazil

SỨC HÚT CỦA DU HỌC NHẬT BẢN

Why Study in Japan?

1 Chất lượng đào tạo cao nhất thế giới

Điểm thu hút nhất của Du học Nhật Bản đó chính là bạn có thể học tập những kỹ thuật, tri thức hiện đại nhất. Đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới, những năm gần đây hàng năm Nhật Bản đều có nhà khoa học nhận được giải Nobel. Các sản phẩm sử dụng kỹ thuật khoa học tiên tiến như Ô tô, Máy ảnh kỹ thuật số, Sợi quang học, Tim nhân tạo,... được toàn thế giới công nhận và đã hỗ trợ cho đời sống sinh hoạt của con người rất nhiều. Ngoài kiến thức ra, trường học Nhật Bản còn đào tạo mài dũa sinh viên trở thành những con người tôn trọng lễ nghi, phép tắc. Điều này được du học sinh đánh giá rất hữu ích khi bước ra xã hội.

2 Học phí trong tầm tay

Học phí khi học tập tại Nhật Bản rẻ hơn nhiều so với du học Mỹ, Anh. Ví dụ, học phí tại trường Đại học Quốc lập tại Nhật Bản chỉ bằng 1/3 so với các trường Đại học Công lập tại Mỹ. Hơn nữa, Nhật Bản còn có nhiều chế độ học bổng, chế độ miễn giảm học phí dành cho Du học sinh.

3 Môi trường học tập quốc tế

Hiện tại có khoảng 300,000 Du học sinh đến từ hơn 180 quốc gia, khu vực trên thế giới đang học tập tại các trường Đại học và trường Nhật ngữ của Nhật Bản. Châu Á đang trên đà phát triển mạnh mẽ, là khu vực thu hút sự quan tâm của toàn thế giới. Khi đếm du học tại Nhật Bản, các bạn còn có thể học tập từ rất nhiều quốc gia khác trên thế giới. Hơn nữa, để gỡ bỏ rào cản về ngôn ngữ tiếng Nhật, các chương trình học tập bằng tiếng Anh đang ngày càng tăng lên.

4 Văn hóa và tự nhiên phong phú

Nhật Bản có thiên nhiên phong phú với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đảo quốc Nhật Bản được bao quanh bốn bề là biển nên có nền văn hóa riêng, độc đáo đã được nuôi dưỡng, hình thành từ thời cổ đại. Nền văn hóa Nhật bản được kết hợp giữa văn hóa truyền thống như trà đạo, nghệ thuật cắm hoa Ikebana,...và văn hóa hiện đại như Anime, Manga,... Ngoài ra, Văn hóa ẩm thực của người Nhật "Washoku" được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể, tinh tế từ cách lựa chọn nguyên liệu theo mùa đến trình bày món ăn đặc sắc, đảm bảo sức khỏe,...là những đặc trưng đang thu hút sự quan tâm của toàn thế giới.

5 Việc làm tại Nhật Bản

Du học sinh nước ngoài ưu tú, không phân biệt quốc tịch ngày càng được tuyển dụng nhiều hơn tại Nhật bản. Những nhân sự này là cầu nối quốc tế, tích cực hoạt động trong các cơ quan, công ty, tổ chức với lối suy nghĩ, tư duy đa dạng. Ở Nhật Bản, không chỉ các doanh nghiệp lớn mà ngay cả các công ty vừa và nhỏ cũng đều mang niềm tự hào về việc đứng đầu thị trường và đi tiên phong trong lĩnh vực kỹ thuật hàng đầu trên thế giới. Làm việc ở Nhật Bản là cơ hội tuyệt vời để các bạn có thể tích lũy nhiều kinh nghiệm và tri thức cho tương lai.

NHẬT BẢN LÀ ĐẤT NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

1. Tuổi thọ trung bình: Số 1 thế giới
2. Số Robot dùng trong công nghiệp: Số 2 thế giới
2. Số lượng xe ô tô xuất khẩu: Số 2 thế giới
3. Tổng thu nhập quốc dân (GNI): Thứ 3 trên thế giới
3. Tỉ lệ đóng góp cho Liên Hợp Quốc: Thứ 3 trên thế giới

Số người đạt giải Nobel: 27 người
Đứng thứ 7 trên thế giới và số 1 tại Châu Á.

Chỉ số hòa bình toàn cầu:
Đứng thứ 9 trên thế giới và số 2 tại Châu Á

Dân số: Xếp thứ 11 trên thế giới

Số lượng Di sản thế giới:
Đứng thứ 12 trên thế giới và đứng thứ 4 tại Châu Á

Nguồn: Bộ Ngoại giao Kids Bảng xếp hạng các lĩnh vực tổng hợp trên thế giới
Nguồn: Global Peace Index 2020
Tham khảo: Thống kê của Bộ Giáo dục Văn hóa Thể thao Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (2021)
Tham khảo: Tài liệu của tổ chức Nobel

Thông tin chung về Nhật Bản

Diện tích : Khoảng 378,000 km²

Dân số : 125,570,000 người

Thủ đô : Tokyo

Ngôn ngữ : Tiếng Nhật

Đồng tiền : Yên (JPY)

Nguồn: Công bố của Tổng Cục thống kê Nhật Bản (01/01/2021)

Nhiều cảnh quan thiên nhiên!
Đồ ăn ngon vô cùng đa dạng!
Đất nước có lịch sử lâu đời!

Các Website giới thiệu Nhật Bản

- Website của Bộ Ngoại Giao
  https://web-japan.org/
- Cơ quan xúc tiến Du lịch Nhật Bản (JNTO)
  https://www.jnto.go.jp/
- Các vùng đất Nhật Bản đầy hấp dẫn (Tổng Cục du lịch Nhật Bản)
  http://www.mlit.go.jp/kankocho/cruise/jp/introduction/index.html

TẠI SAO NÊN DU HỌC NHẬT BẢN?

Hãy cùng xem câu trả lời từ các Du học sinh tại Nhật Bản!

Q Tại sao bạn lựa chọn Nhật Bản để đi du học? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

A

Top 1	**Em rất thích xã hội Nhật Bản nên muốn sống tại Nhật**	**61,3%**
Top 2	**Vì em yêu thích việc học tiếng Nhật và văn hóa Nhật nên muốn đi du học Nhật Bản**	**44,3%**
Top 3	**Chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường Đại học ở Nhật Bản**	**36,3%**
Top 4	Vì ở Nhật Bản có thể học chuyên ngành mà em yêu thích	23,7%
Top 5	Vì em muốn trải nghiệm sự khác biệt về văn hóa	20,1%
Top 6	Em muốn làm những công việc có liên quan đến Nhật Bản	19,4%
Top 7	Em chọn Nhật Bản vì vị trí địa lý không quá xa	17,0%
Top 8	Em cũng có nghĩ đến chọn nước khác để du học, nhưng Nhật Bản là nơi phù hợp với lực học và mức chi phí phù hợp với điều kiện của em	15,9%

Q Ấn tượng của em sau khi đi du học Nhật Bản như thế nào?

A

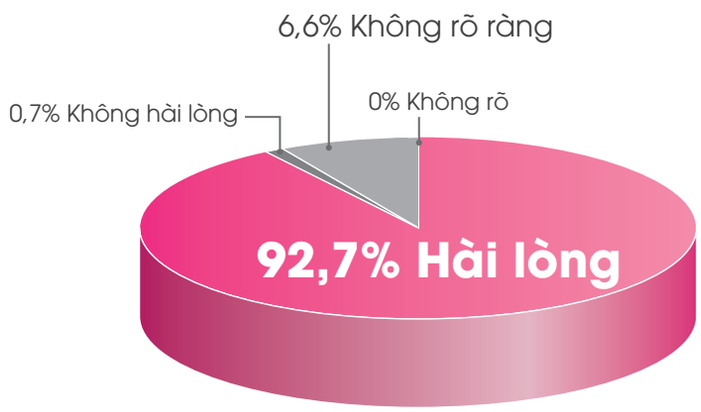

Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tư phí người nước ngoài năm 2019" (JASSO)

Kết thân nhiều người bạn, chủ động giao tiếp và tham gia tích cực các hoạt động ngoại khóa cùng với người Nhật và bạn bè từ khắp nơi trên thế giới đã mang đến cho tôi một cuộc sống du học phong phú tràn đầy màu sắc !

Bạn có thể tận hưởng cuộc sống nghiên cứu đầy ý nghĩa, được cộng tác làm việc cùng với những nhà nghiên cứu xuất sắc trong môi trường nghiên cứu tuyệt vời! Bạn hãy lập mục tiêu rõ ràng và chuyên tâm vào việc nghiên cứu!

Tôi đã gặp không ít khó khăn khi xin việc tại Nhật Bản nhưng đó là những kinh nghiệm hết sức đáng quý giúp tôi nhìn nhận lại bản thân và trưởng thành hơn!

Chúng tôi đã hỏi các bạn sinh viên hiện đang du học!

TẠI SAO NÊN DU HỌC NHẬT BẢN?

Việt Nam

Lê Duy Tân
JAIST - Viện Khoa học Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản

Với mình, ấn tượng về Nhật Bản là những bộ phim hoạt hình mong ngóng được xem lúc bé, là chiếc Honda cha chạy đi làm, là chiếc cát sét bà hay nghe cải lương, là chiếc máy may cọc cạch của mẹ. Tình cảm của mình dành cho Nhật Bản đã được nuôi dưỡng từ lúc nào không hay. Lớn lên, ở trường lại được dạy Nhật Bản là một Đất nước nhiều thiên tai, nhưng con người luôn rất kiên cường làm cả thế giới phải nể phục. Sau dịp tiếp xúc với một đoàn Sinh viên trao đổi từ Nhật Bản, chính sự thân thiện của các bạn đã làm mình thêm yêu mến Đất nước này hơn. Hành trình du học Nhật Bản của mình bắt đầu từ đó. Những ngày đầu tiên bước chân sang xứ sở mặt trời mọc, mình vô cùng choáng ngợp trước sự phát triển nơi đây. Đặc biệt, họ đã dành sự đầu tư tuyệt vời cho ngành giáo dục. Ở JAIST, mình được các giáo sư hỗ trợ tận tình trong việc nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhật Bản có rất nhiều học bổng và nguồn hỗ trợ tài chính để Du học sinh có thể yên tâm học tập. 5 năm du học là quãng thời gian tươi đẹp trong cuộc đời mình khi được bao bọc giữa tình yêu thương trọn vẹn của người dân Nhật. Với nền kinh tế phát triển, con người văn minh, giáo dục hiện đại, lựa chọn du học Nhật Bản sẽ không làm bạn thất vọng. Hãy chuẩn bị hành trang là kiến thức chuyên môn và tiếng Nhật để bắt đầu một chương mới của cuộc đời ở Quốc gia tuyệt vời này!

Việt Nam

Nguyễn Hà Minh Anh
Đại học Châu Á Thái Bình Dương (APU)

Mình may mắn được đặt chân đến Nhật Bản từ khi còn nhỏ. Những trải nghiệm và ấn tượng tốt đẹp về Con người - Văn hóa - Thiên nhiên Nhật Bản trong lần đầu tiên đến đây, cũng như nguồn học bổng du học phong phú dành cho Sinh viên Quốc tế, chính là những yếu tố quyết định cho lựa chọn đi du học Nhật của mình. Trong suốt 4 năm du học Nhật Bản, mình đã có cơ hội được gặp gỡ, rồi dần trở nên thân thiết hơn với nhiều bạn bè nước ngoài và người bản địa - những người đã luôn giúp đỡ và làm cho cuộc sống ở Nhật của mình trọn vẹn hơn. Công việc làm thêm, chương trình giao lưu văn hóa của trường Đại học, cơ hội du lịch đài thọ của tỉnh, và cơ hội thực tập tại các công ty Nhật liên kết với trường đã giúp mình học hỏi và mở mang tầm mắt. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản và các tập đoàn lớn luôn có nhiều chế độ hỗ trợ tài chính cho Sinh viên Quốc tế thông qua các chương trình học bổng. Nhờ đó, mình và nhiều bạn bè xung quanh vì đã may mắn nhận được học bổng nên có thể giảm bớt gánh nặng kinh tế, để dành nhiều thời gian hơn cho việc học tập và trải nghiệm văn hóa ở Nhật.

Việt Nam

Vương Hồng Đức
Đại học Shizuoka

Hồi nhỏ tôi từng sống ở một vùng quê phía Bắc Việt Nam. Người dân ở đó chủ yếu đều làm nghề nông, mọi công việc hầu hết là lao động chân tay. Có lần tôi được chứng kiến bác người Nhật sử dụng nhiều loại máy móc khác nhau để trồng trọt và cày cấy. Lúc đó tôi cảm thấy rất ngạc nhiên không hiểu vì sao những "cỗ máy" đó có thể hỗ trợ cho nhiều công việc như vậy. Tôi nghĩ "Nếu có thể học hỏi và áp dụng được những kỹ thuật của Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam tăng năng suất hơn".
Ở trường tôi được dạy về sự phát triển kinh tế của Nhật Bản. Tuy phải chịu nhiều tổn thất nặng nề do hậu quả của chiến tranh và thiên tai, nhưng Nhật Bản đã nhanh chóng vực dậy và vươn lên trở thành một trong những cường quốc phát triển trên thế giới. Một yếu tố quan trọng cho thành công đó là nhờ tinh thần làm việc hăng say của người Nhật. Tôi rất ngưỡng mộ tinh thần đó của họ và luôn mong muốn được đến Nhật Bản để học tập. Từ đó Du học Nhật Bản đã trở thành ước mơ của tôi. Sau khi học trước Tiếng Nhật một thời gian, tôi bắt đầu du học ở trường Nhật ngữ rồi thi vào Đại học ở Nhật. Tiếng Nhật không chỉ giúp tôi thuận lợi trong cuộc sống sinh hoạt, tự do trải nghiệm văn hóa, mà còn giúp tôi có cơ hội kết thân với Sinh viên Nhật cũng như Sinh viên Quốc tế. Dù hiện tại đang làm việc tại Việt Nam, nhưng tôi luôn trân trọng những ngày tháng ở Nhật đã giúp tôi trưởng thành hơn rất nhiều.

Việt Nam

Lê Thị Kim Qui
Đại học Nagasaki

Chào các bạn có cùng giấc mơ Du học Nhật Bản giống mình!
Giấc mơ của mình đã được hiện thực hóa vào năm 2015, tới giờ mình vẫn còn hãnh diện vì những điều đã xảy ra. Mình du học chương trình Thạc sĩ về lĩnh vực Môi trường tại trường Đại học Nagasaki trong thời gian từ năm 2015 đến 2017.
Từ trước đến nay mình bị hấp dẫn với Nhật Bản bởi những nét đẹp đặc trưng từ Văn hóa, Con người và nền Giáo dục tiên tiến của họ. Nhưng lý do lớn nhất đối với riêng mình vào thời điểm đó chính là một số trường ở Nhật Bản không đòi hỏi quá cao về năng lực ngoại ngữ của ứng viên. Một người cứ loay hoay với chứng chỉ ngoại ngữ như mình, đã rất biết ơn vì điều đó. Ngay khi vượt qua được kỳ thi tuyển sinh của Trường Đại học, mình đã cố gắng hết sức với cơ hội tuyệt vời này. Mình đã được trải nghiệm môi trường nghiên cứu thật sự nghiêm túc và hiệu quả. Những nỗ lực bền bỉ của bản thân không chỉ trong việc học tập nghiên cứu, mà còn trong việc làm thêm, tính kỷ luật trong khi làm việc nhóm, đều mang lại cho mình những trải nghiệm cá nhân quý giá và không thể nào quên.
Chúc các bạn cũng sẽ đạt được ước mơ của mình tại Nhật Bản!

NHẬT KÝ CAMPUS 1

Một ngày của Du học sinh trôi qua như thế nào nhỉ? Trả lời cho câu hỏi này của các bạn, hãy cùng xem một ngày của các Sempai như thế nào! Hãy cùng lắng nghe các Du học sinh đang cố gắng nỗ lực mỗi ngày để biến giấc mơ thành hiện thực.

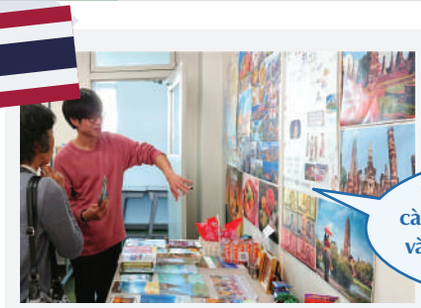

Con đường tương lai ngày càng sáng tỏ, tôi sắp chạm tay vào giấc mơ! Thật tuyệt vì đã đến Nhật Bản!

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) Numazu
Khoa Công nghệ điện tử
Jirawit Jiracheewee (Thái Lan)

Vì sao bạn lại quyết định đi du học Nhật Bản?
Cảm tưởng khi bạn học tập tại Nhật?
Mục tiêu của bạn trong tương lai?

Tôi vốn rất yêu thích văn hóa Nhật Bản, thích tiếng Nhật và quan hệ quốc tế, chính vì lẽ đó mà tôi muốn thử sức bản thân khi quyết định đi Du học Nhật Bản. Đến một đất nước xa lạ, xung quanh chỉ có thể nói tiếng Nhật, sẽ là bước tiến lớn để tôi trưởng thành hơn, nghĩ như vậy nên tôi đã quyết tâm để đi du học Nhật Bản. Tuy nhiên, khi tôi sang đến Nhật thì thực tế không đẹp như bức tranh tôi tự vẽ ra. Không thể nói được những điều mình muốn nói, cản trở việc học tập và mong ước được thử thách bản thân, có những lúc cảm thấy thất vọng nữa. Nhưng nhờ có những người bạn tốt đã giúp đỡ tôi rất nhiều nên tôi đã vượt qua được giai đoạn khó khăn ban đầu. Những gì xảy ra không theo như mong muốn của mình là chuyện đương nhiên, cách mà chúng ta vượt qua nó để trưởng thành mới là điều quan trọng. Tôi mong muốn mình có thể trưởng thành hơn nữa, vượt qua nhiều thử thách để trở thành cầu nối vững chắc giữa Thái Lan và Nhật Bản trong tương lai. Mỗi ngày tôi đều tâm niệm về ước mơ đó của mình và cố gắng nỗ lực hết sức trong học tập để biến ước mơ thành hiện thực.

Hãy giới thiệu một ngày học tập ở trường của bạn?

6:50 Thức dậy
Đến giờ thức dậy rồi, mặc dù tôi vẫn còn muốn ngủ nữa...

8:00 Ăn sáng
Bữa sáng rất quan trọng, tôi cảm thấy hạnh phúc khi được ăn sáng.

8:50 Bắt đầu học
Không được sử dụng điện thoại, hãy tập trung và cố gắng vào việc học.

12:00 Ăn trưa
Mỗi ngày trôi qua đầy ắp tiếng cười, tôi cùng ăn trưa và trò chuyện với 4 người bạn thân.

18:00 Ăn tối sau khi học xong
Có học nhiều quá không nhỉ ?:D

18:30 Đi bơi, tập Gym...
Giải tỏa đầu óc, nâng cao thể lực.

23:00 Ngủ
Giấc ngủ quan trọng cho cả thể chất và tinh thần!

Open up and participate in as many cultural activities as possible while in Japan!

Ritsumeikan University
Community and Regional Policy Studies
Yoshie Sasagawa (Malaysia)

I feel very lucky to have the chance to study in Japan. Although there were some difficulties due to language barriers, the people and the community around me are incredibly supportive. I could not have asked for a better study abroad experience! I came to Japan because I wanted to explore the Japanese side of me. My university offered many opportunities and cultural activities for international students to participate in. Some of the experiences of mine included working at one of the biggest shrines in Osaka, doing field studies and agricultural work in rural communities, summer internships, interacting with Japanese school kids, and many more. Although it may sound like a lot work, going through all these events not only taught me more about Japan but along the way, I also learned more about myself. Currently in my last year, I found that Japan has given me more than what I expected to learn before arriving for example, the Japanese work ethic, social mannerisms, patience and practical life skills. I highly encourage current and potential international students to open up and participate in as many cultural activities as possible while in Japan!

How I spend a day

7:15 - 8:15 Getting ready for the day
I wash up, get dressed and have a big breakfast.

8:15 - 9:00 Travelling to university
Cycle to the station, take the train and walk to university.

9:00 - 12:10 Classes
Each lecture lasts 90 minutes, with a 10-minute break in between.

12:10 - 13:00 Lunch
Sometimes I make my own Bento, but mostly I eat at the school cafeteria

13:00 - 14:00 Free time
Usually after lunch I enjoy getting coffee and desserts with my friend and work on course projects together

14:00 - 16:00 Gym
My favorite part of the day is to work out at the gym to de-stress

16:00 - 17:00 Going home
I like to head home early if possible so that I have time to do groceries and make myself a fantastic dinner and study afterwards.

LẬP KẾ HOẠCH LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG

Đây là điều quan trọng nhất!

Why? Tại sao ? — **Mục đích du học là gì?** Công việc tương lai mà bạn hướng đến yêu cầu bạn cần những bằng cấp và năng lực gì?

What? Cái gì? — **Muốn học cái gì?** Bạn muốn học gì? Lĩnh vực chuyên khoa, chuyên môn?

Where? Ở đâu? — **Nên học ở cơ sở giáo dục nào?**

How long? Bao lâu? — **Cần học trong bao lâu?**

1 Bằng cấp, chứng chỉ	Bằng cử nhân	Quản trị kinh doanh? Giáo dục? Vật lý học? Khoa học công nghệ? Công nghệ thông tin? Y học? Nông học? Thiết kế? Mỹ thuật? Thời trang? Anime?	Đại học	4 năm (một số chuyên ngành 6 năm)
	Bằng Thạc sĩ		Sau đại học	2 năm ~
	Bằng Tiến sĩ		Sau đại học	3 năm ~
	Bằng cao đẳng		Cao đẳng	2 năm (※một số chuyên ngành 3 năm)
	Chứng chỉ tương đương cao đẳng		Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	3 năm (※một số chuyên ngành 3.5 năm)
	Chứng chỉ chuyên môn		Trường dạy nghề (SENMON)	2 ~ 3 năm
	Chứng chỉ chuyên môn cao cấp		Trường dạy nghề	4 năm

2 Học ngắn hạn Trải nghiệm	Du học ngắn hạn	• Tiếng Nhật • Văn hóa Nhật Bản • Đối chiếu văn hóa	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Chương trình ngắn hạn của trường đại học	Vài tháng ~ 1 năm
	Du học trao đổi		Đại học	Trong vòng 1 năm

3 Học tiếng Nhật	Học tiếng	• Khóa học tiếp lên • Hội thoại Tiếng Nhật • Tiếng Nhật thương mại	Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
	Học tiếp lên		Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
			Khóa tiếng Nhật Bekka dành riêng cho DHS của các trường ĐH, CĐ tư lập	1 ~ 2 năm

When? Khi nào? — **Khi nào bạn đi du học?** Khi nào thì bạn bắt đầu? Thời gian chuẩn bị mất bao lâu?

Hãy cùng xem Trang 8-9 "Lịch trình" và lập kế hoạch nhé!

How much? Hết bao nhiêu? — **Chi phí hết bao nhiêu?** Chi phí hết khoảng bao nhiêu tiền? Vé máy bay? Chi phí sinh hoạt? Tiền thuê nhà? Tiền ăn uống? Tiền tiết kiệm có đủ không? Gia đình có chu cấp không? Có làm thêm không? Tiền học bổng?

Hãy cùng xem trang 32~40 và tính toán thử xem chi phí hết bao nhiêu bạn nhé!

LỊCH TRÌNH

Các bạn đã lập kế hoạch du học chưa? Hãy xem bảng lịch trình cơ bản để biết cần chuẩn bị những gì nhé!

Từ lúc lập kế hoạch cho tới khi đi Nhật

Kế hoạch 1

Dành cho người chỉ muốn học tiếng Nhật

Từ mục 1~8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại nước Nhật và mục 10 là vào học tại trường tiếng Nhật
11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật.

Kế hoạch 2

Dành cho người muốn học tiếp lên Đại học hoặc trường dạy nghề... sau khi học xong tiếng Nhật.

Từ mục 1~8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại Nhật và mục 10 là vào học tại trường tiếng Nhật. Trong thời gian đang học tại trường tiếng Nhật cần chuẩn bị mục 12~22 và kết thúc ở mục 23. Mục 24 là vào học Đại học, Trường dạy nghề...

Kế hoạch 3

Dành cho các bạn muốn vào thẳng trường Đại học hoặc trường dạy nghề sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam

Những người đã có đủ năng lực tiếng Nhật, những người học bằng chương trình tiếng Anh.
Hãy bỏ qua bước từ mục 2~11 và bắt đầu từ mục 12 là chuẩn bị tài liệu. Sau khi đỗ kỳ thi đầu vào, sẽ tiến hành các thủ tục để nhập học vào trường Đại học, trường Dạy nghề ở mục 24.

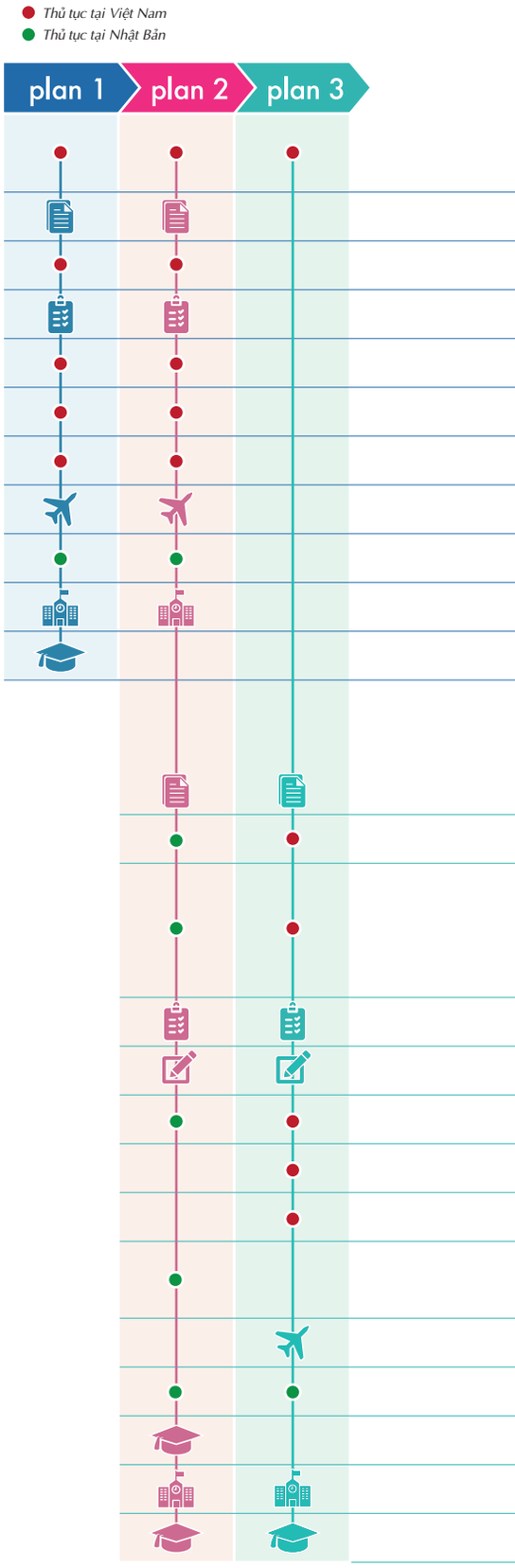

Lưu ý khi du học thông qua các công ty tư vấn du học

Nếu tự mình làm các thủ tục du học sẽ có nhiều ưu điểm như tiết kiệm về mặt kinh tế, nâng cao năng lực phán đoán của bản thân và năng lực ngôn ngữ nhưng nếu bận rộn hoặc chưa tự tin về năng lực ngôn ngữ thì việc chuẩn bị thủ tục du học thông qua các công ty tư vấn du học cũng là một lựa chọn.

***Lưu ý cập nhật các công ty tư vấn du học bị đình chỉ xin giấy phép Visa và các thông tin liên quan:**
https://www.vn.emb-japan.go.jp/itpr_ja/Vn_Thongtinduhoc.html

Điểm quan trọng khi lựa chọn!

① *Chi phí*	So với nhiều công ty khác giá cả có hợp lý không? Có tư vấn những thông tin sai sự thật như nếu làm thêm ở Nhật có thể kiếm tiền trang trải cả học phí và sinh hoạt phí không? Có làm hợp đồng với nội dung chi tiết, rõ ràng về số tiền và nội dung dịch vụ không?
② *Cách tư vấn, cung cấp dịch vụ*	Có giới thiệu những trường phù hợp với mục đích du học không? Có đưa ra những tư vấn không đúng như: Có thể nhập cảnh bằng giấy tờ giả không? Có nghiêm túc trả lời đầy đủ những câu hỏi và tiến độ làm thủ tục không? Có thúc giục nhanh chóng đăng ký không? Có nói rõ về những vất vả khi đi du học bên cạnh những điểm tốt không?
③ *Kết quả thực tế*	Công ty đã từng đưa được nhiều người sang Nhật du học chưa?

Các bước	Trang liên quan	Thời gian		Hành động
1 Lên kế hoạch và thu thập thông tin	Trang 7, Trang 32~35			Xác định rõ, cụ thể hóa mục đích du học. Xác nhận năng lực ngôn ngữ và kinh phí du học cần thiết.
2 Tập hợp tài liệu của trường tiếng Nhật	Trang 22, 23	Tháng 4~6	Tháng 10~12	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
3 Chọn trường	Trang 22, 23	~ tháng 9	~ tháng 2	Chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu hướng dẫn về trường v.v.
4 Nộp hồ sơ	Trang 22, 23	Tháng 9~11	Tháng 2~4	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
5 Nhận giấy cho phép nhập học		Tháng 1~3	Tháng 7~9	Nhận Giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí v.v.
6 Thủ tục nhập cảnh	Trang 28~31			Nhận Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và xin Visa.
7 Chuẩn bị đi du học				Tìm nhà ở.
8 Thủ tục xuất cảnh, lên đường				Mua vé máy bay, bảo hiểm.
9 Thủ tục nhập học				
10 Nhập học trường tiếng Nhật • Bắt đầu học tập		Tháng 4 (Khóa 1 năm, 2 năm)	Tháng 10 (Khóa 1,5 năm)	
11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật				

12 Tập hợp tài liệu của trường Đại học, trường Dạy nghề	Trang 12~21	Tháng 4~5/Tháng 9~10	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
13 Chọn trường	Trang 12~21	~ Tháng 6/ ~Tháng 11	So sánh và chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu như hướng dẫn về trường v.v.
14 Đăng ký dự thi Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)	Trang 24~25	~Tháng 7/~ Tháng 3	Đăng ký dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và các kỳ thi cần thiết khác: - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) - Kỳ thi TOEFL®, IELTS, TOEIC® (Nếu trường yêu cầu)
15 Nộp hồ sơ	Trang 12~21	Tháng 8~10/Tháng 1~11	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
16 Dự thi		Tháng 11~2/Tháng 3~8	Xét hồ sơ, dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), tham dự kỳ thi đầu vào của trường có nguyện vọng nhập học.
17 Giấy phép nhập học		Tháng 1~3/Tháng 6~8	Nhận Giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí.
18 Thủ tục nhập cảnh	Trang 28~31		Nhận Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và xin Visa.
19 Chuẩn bị đi du học			Tìm nhà ở.
20 Thủ tục thay đổi thời hạn lưu trú, nộp hồ sơ cho các tổ chức/nơi hoạt động			
21 Thủ tục xuất cảnh, lên đường			Mua vé máy bay, mua bảo hiểm...
22 Thủ tục nhập học			
23 Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật			
24 Nhập học trường Đại học, trường dạy nghề...		Tháng 4/Tháng 9 hoặc tháng 10	* Có một số trường nhập học vào mùa thu (tháng 9 hoặc tháng 10) * Quá trình từ khi nộp hồ sơ cho tới khi nhập học tùy từng trường sẽ khác nhau. Hãy xác nhận rõ hướng dẫn tuyển sinh của trường để không bị sai sót khi làm thủ tục.
25 Tốt nghiệp trường Đại học, trường dạy nghề...		Tháng 3/Tháng 8 hoặc tháng 9	

HỆ THỐNG GIÁO DỤC CỦA NHẬT BẢN

Giáo dục sau Trung học phổ thông của Nhật Bản bắt đầu sau khi hoàn thành 12 năm học bao gồm giáo dục Tiểu học (6 năm) và Trung học (trung học cơ sở 3 năm, trung học phổ thông 3 năm). Các cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông mà Du học sinh có thể vào học gồm 5 loại ① Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), ② Trường dạy nghề (Khóa chuyên môn Trường dạy nghề), ③ Cao đẳng, ④ Đại học (Khoa), ⑤ Sau đại học. Tùy vào tư cách pháp nhân khi thành lập trường, các cơ sở giáo dục được chia thành Quốc lập, Công lập và Tư lập.

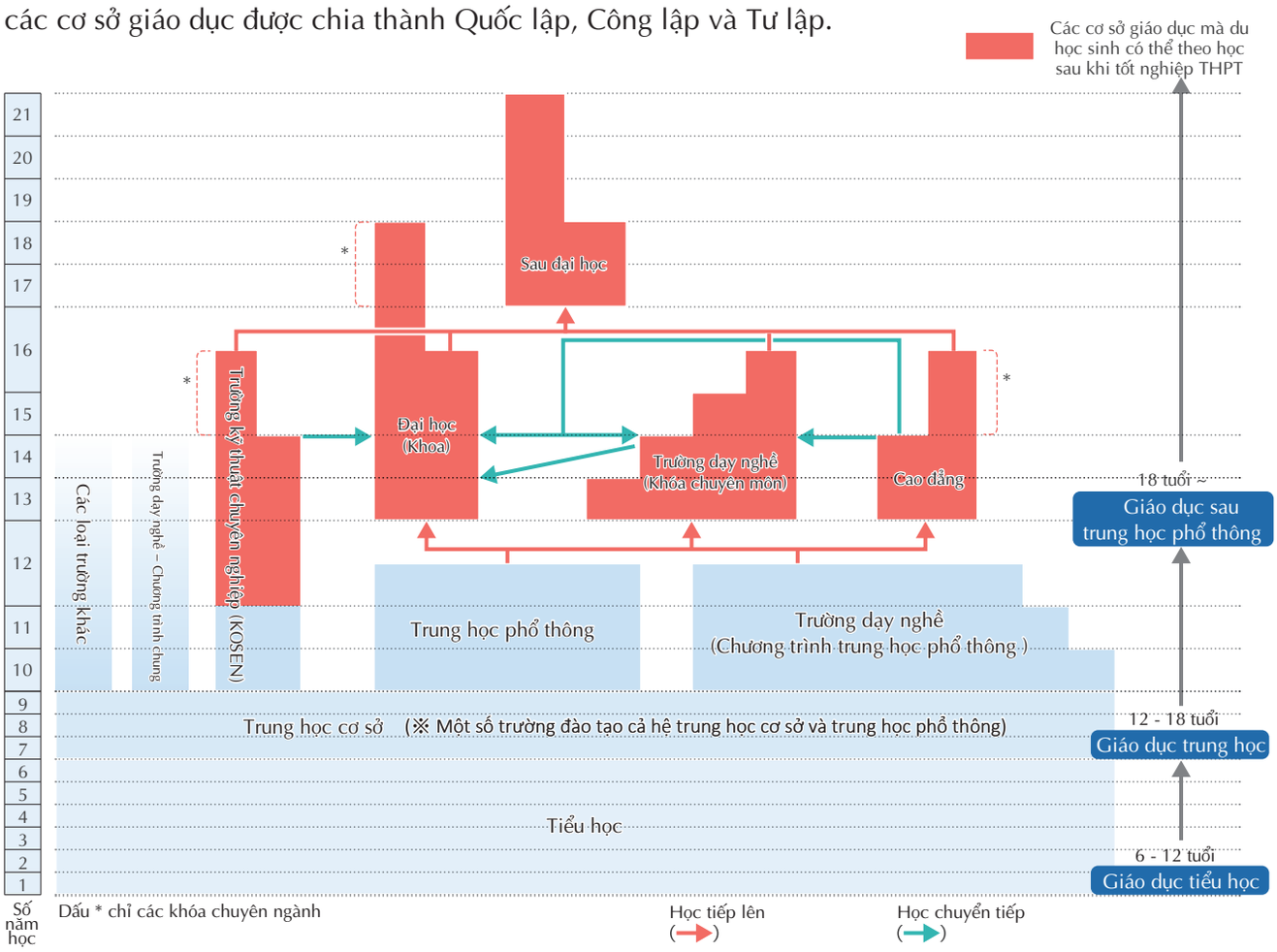

1. Hãy xác nhận lịch học và các học kỳ!

Năm học ở Nhật thường bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Rất nhiều trường của Nhật áp dụng chế độ Semester (chế độ 2 học kỳ), học kỳ đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ sau từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường áp dụng chế độ 3 học kỳ và chế độ quarter (chế độ 4 học kỳ). Nhật Bản thường nhập học vào tháng 4, tuy nhiên hệ Sau đại học của nhiều trường Đại học sẽ nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

Một năm học chế độ 2 học kỳ của sinh viên nhập học vào tháng 4

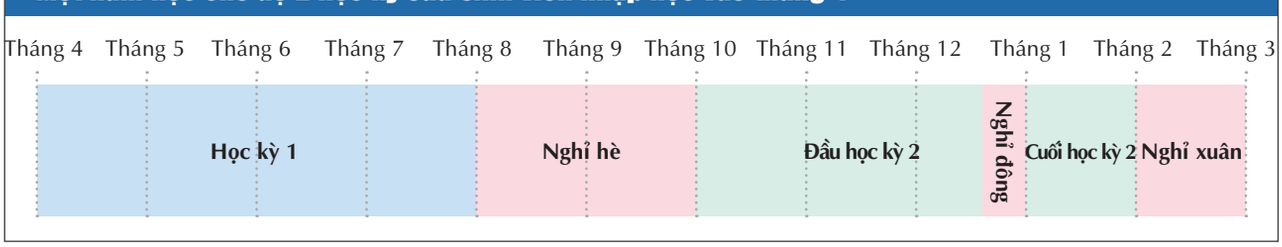

2. Điều kiện nhập học

Về nguyên tắc, để học tiếp lên Đại học (khoa), Cao đẳng, trường Dạy nghề của Nhật Bản, cần phải hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy. Để học chuyển tiếp vào các trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) phải hoàn thành chương trình học 11 năm, để học tiếp lên các trường có hệ Sau đại học (khóa học Thạc sĩ) phải hoàn thành chương trình học 16 năm.

Trường hợp những học sinh đến từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Malaysia, Myanmar, Mông Cổ, Peru v.v. đã hoàn thành 10 hoặc 11 năm giáo dục tiểu học và giáo dục trung học muốn học tiếp lên Đại học của Nhật Bản cần đáp ứng một trong số các điều kiện như nội dung bên phải.
Tuy nhiên, ngoài những điều kiện đó, cũng có trường yêu cầu đáp ứng những điều kiện khác của trường. Hãy hỏi trường bạn có dự định nhập học trong trường hợp bạn không rõ mình có đủ điều kiện nhập học hay không.

① Đang học năm 1 hoặc năm 2 tại các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông như Đại học hoặc khóa đào tạo dự bị trước khi vào học Đại học tại Việt Nam và sẽ hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.
② Hoàn thành khóa đào tạo dự bị *1 được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (chỉ áp dụng với những học sinh đã hoàn thành khóa học tương đương với cấp trung học phổ thông của Nhật Bản). Tuy nhiên, những học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và giáo dục trung học chưa đủ 12 năm, trong trường hợp đã hoàn thành chương trình học từ 11 năm trở lên *2 tại những nước mà Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì cho dù chưa hoàn thành khóa đào tạo dự bị vẫn đủ điều kiện nhập học.

*1 **"Khóa đào tạo dự bị" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định**
https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/07111314/001.htm

*2 **"Khóa đào tạo từ 11 năm trở lên" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định**
http://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/1380756.htm

3. Bằng cấp (học vị), chứng chỉ đạt được và thời gian đào tạo

	Khóa học	Bằng cấp, chứng chỉ đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn
Sau đại học	Khoá học Tiến sĩ *1	Tiến sĩ	5 năm
	Khoá học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm
	Khoá học lấy bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	1~2 năm
		Tiến sĩ Luật (chuyên ngành)	3 năm
		Thạc sĩ Giáo dục (chuyên ngành)	2 năm
Đại học (Khoa)	Các khoa thông thường, khoa Dược khóa 4 năm	Cử nhân	4 năm
	Y khoa, Nha khoa, Thú y, khoa Dược khóa 6 năm		6 năm
Cao đẳng *2 *5	Khóa 2 năm	Cao đẳng	2 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Đại học nghề	—	Cử nhân (Nghề)	4 năm
Cao đẳng nghề *2 *5	Khóa 2 năm	Cao đẳng (Nghề)	2 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Trường KT chuyên nghiệp *3 *4 *5	—	Tương đương cao đẳng	3 năm (Thương mại hàng hải 3 năm 6 tháng)
Trường dạy nghề *4	Khóa học chuyên môn (Trường dạy nghề)	Chuyên môn	2 năm trở lên
		Chuyên môn bậc cao	4 năm trở lên

*1 Khóa đào tạo tiến sĩ được chia thành 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm, tương đương với thạc sĩ của Việt Nam) và giai đoạn sau (3 năm, tương đương với tiến sĩ của Việt Nam). Thời gian đào tạo bắt buộc của khóa đào tạo tiến sĩ ngành Y học, Nha khoa, Dược và Thú y hệ 6 năm sau khi hoàn thành đủ 6 năm học bậc Đại học là 4 năm.
*2 Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng có thể nhận được bằng "Cử nhân" nếu học tiếp khóa chuyên ngành (1~2 năm).
*3 Thông thường, thời gian hoàn thành đào tạo tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 5 năm nhưng du học sinh được chấp nhận vào học từ năm thứ 3. Sau khi tốt nghiệp, nếu học tiếp lên khóa chuyên ngành có thể nhận được bằng "Cử nhân".
*4 Danh xưng " Tương đương cao đẳng" của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), "Chuyên môn" hoặc "Chuyên môn bậc cao" của trường dạy nghề là chứng chỉ, không phải là bằng cấp.
*5 Có thể nhận được bằng "Cử nhân" nếu hoàn thành khóa chuyên ngành của trường Cao đẳng, khóa học nâng cao của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) được Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học (NIAD-QE) công nhận và vượt qua kỳ thi thẩm định của NIAD-QE. Hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học để biết thêm thông tin chi tiết.

Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học
(National Institution for Academic Degrees and Quality Enhancement of Higher Education)
https://www.niad.ac.jp/n_gakui/

Q Bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tại nước khác không?

A **Thông thường, bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tương đương với bằng cấp nhận được ở các nước khác.** Tuy nhiên, tùy theo mỗi quốc gia, có những nơi Bộ Giáo dục hoặc Cơ quan thẩm định (Tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân v.v.) sẽ đánh giá bằng cấp nhận được ở nước ngoài. Bạn nên xác nhận trước với các cơ quan liên quan ở nước mình về vấn đề này.

ĐẠI HỌC (KHOA), CAO ĐẲNG

Là cơ sở giáo dục trung tâm của hệ thống đào tạo sau trung học phổ thông, về nguyên tắc thời gian đào tạo ở trường Đại học là 4 năm, Cao đẳng là 2 năm. Tùy từng trường sẽ có cơ chế sinh viên dự thính không chính quy, sinh viên tự do lựa chọn môn học. Bên cạnh chế độ du học dài hạn với mục đích lấy bằng, còn có chế độ du học ngắn hạn ngoài mục đích trên, tham khảo trang 18 để biết thêm thông tin chi tiết.

1. Hãy xác nhận điều kiện nhập học!

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

① Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc các cơ sở giáo dục trung học phổ thông tương đương (hoàn thành chương trình đào tạo chính quy từ 12 năm trở lên).
② Đã hoàn thành 3 năm phổ thông của trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) hoặc hệ phổ thông của các trường giáo dục hỗ trợ đặc biệt (hoàn thành chương trình đào tạo chính quy từ 12 năm trở lên).
③ Đã hoàn thành 12 năm học chính quy tại các trường đào tạo ngoài nước Nhật. (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (có danh sách) hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập (có danh sách)).
※Người đã hoàn thành 12 năm học chính quy tại các trường đào tạo ngoài nước Nhật" là Người đã học xong chương trình của năm lớp 12 tại các cơ sở giáo dục chính quy ngoài nước Nhật. Chương trình học 12 năm có được đánh giá là chính quy hay không... cần xác nhận với Đại sứ quán của nước sở tại.
④ Người từ 18 tuổi trở lên, đã đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông - tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục ngoài nước Nhật. (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (có danh sách)).
⑤ Đã hoàn thành chương trình học của trường tương đương THPT thỏa mãn các điều kiện như đã hoàn thành chương trình học được chỉ định từ 11 năm trở lên ngoài nước Nhật (Danh sách chương trình học ngoài nước Nhật tương đương THPT được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định).
⑥ Những người học ở các trường dành cho người nước ngoài tại Nhật Bản đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông được công nhận tương đương hệ trung học phổ thông của nước ngoài (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ).
⑦ Hoàn thành chương trình học phổ thông ở cơ sở giáo dục ngoài nước Nhật được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận.
⑧ Hoàn thành chương trình trung học phổ thông của các trường dạy nghề theo danh sách do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận.
⑨ Đã hoàn thành chương trình học phổ thông cũ.
⑩ Có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp hoặc chứng chỉ GCE level A.
⑪ Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục dành cho người nước ngoài được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận. ※Bao gồm cả chứng chỉ ECIS là tên gọi cũ của CIS.
⑫ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (Trong trường hợp khi chưa đủ 18 tuổi sẽ được công nhận vào ngày kế tiếp khi đủ 18 tuổi).
⑬ Đủ 18 tuổi và đỗ kỳ thi đầu vào riêng của từng trường Đại học.

2. Tìm trường

Đại học, Cao đẳng - Các điểm quan trọng khi chọn trường

Nội dung giờ học, nghiên cứu
- Có phải là giờ học mình thực sự muốn học không?
- Có thể nghiên cứu không? Có giảng viên mình muốn học không?

Khóa học (Chương trình)
- Có khóa học học cùng người Nhật không?
- Có chương trình học hoàn toàn bằng tiếng Anh không?
- Có khóa học dài hạn không? Có khóa học ngắn hạn không?

Trang thiết bị nghiên cứu
- Có đầy đủ trang thiết bị để nghiên cứu không?

Kỳ thi đầu vào
- Có chế độ cho phép nhập học trước khi sang Nhật không?
- Có kỳ thi đặc biệt dành cho du học sinh không?

Kết quả tiếp nhận du học sinh, chế độ hỗ trợ du học sinh
- Có giờ học bổ trợ tiếng Nhật không? Có nhân viên hỗ trợ du học sinh không?
- Có tutor hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt không? Có hỗ trợ tìm việc không?

Định hướng của sinh viên sau tốt nghiệp
- Học tiếp lên hệ sau đại học? Nơi làm việc?

Học phí, chi phí cần thiết khác
- Năm đầu? Từ năm thứ 2 trở đi? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp?

Nhận học bổng
- Trường có chế độ học bổng hoặc chế độ miễn, giảm học phí không?
- Tỉ lệ được nhận? Có thông báo kết quả học bổng trước khi sang Nhật không?

Nơi ở
- Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho sinh viên không? Có giới thiệu nhà cho thuê không?

Môi trường sinh sống và học tập
- Trường có môi trường thuận lợi cho học tập và sinh hoạt không?
- Ở thành phố lớn hay địa phương?
- Có thể thích nghi với khí hậu nơi đó không?

Thông tin các trường Đại học, Cao đẳng (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
https://www.jpss.jp/

- **Hướng dẫn nhập học vào các trường Đại học dành cho du học sinh tư phí người nước ngoài**

  - Sách hướng dẫn tập hợp các thông tin cần thiết như nội dung thi đầu vào của các trường Đại học, số người đỗ trong kỳ thi dành cho du học sinh v.v.
  Biên soạn, phát hành: The Asian Students Cultural Association (Phát hành, bán tại Nhật)
  ※ Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 45)

3. Hồ sơ cần nộp

① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
③ Bảng điểm trung học phổ thông/ Học bạ
④ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trường trung học phổ thông
⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

4. Kỳ thi đầu vào

Nhiều trường, ngoài kỳ thi đầu vào dành cho đối tượng là thí sinh người Nhật, còn tổ chức kỳ thi đầu vào dành cho người nước ngoài (du học sinh). Các trường sẽ kết hợp các mục dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ hướng dẫn thi của trường đó.

① Xét hồ sơ
② Kiểm tra học lực
③ Phỏng vấn
④ Viết tiểu luận, bài văn
⑤ Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
⑥ Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)
⑦ Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)
⑧ Kỳ thi Đại học toàn quốc

5. Trường Đại học Nghề - Cao đẳng nghề là gì?

Là trường Đại học, Cao đẳng đào tạo lý luận, kiến thức kết hợp với các kỹ năng thực tiễn để người học trở thành các chuyên gia trong các lĩnh vực nghề nghiệp riêng biệt.
Thông qua việc thực hành phong phú bao gồm thực tập dài hạn trong các doanh nghiệp và học tập trong các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên môn nghề, người học sẽ có được kỹ năng thực tiễn chuyên sâu và năng lực sáng tạo phong phú gắn trực tiếp với chuyên môn nghề của mình.
Sau khi tốt nghiệp các trường Đại học nghề, Cao đẳng nghề, người học sẽ được cấp bằng "Cử nhân (Chuyên môn nghề)" hoặc "Cao đẳng (Chuyên môn nghề)" .

6. Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

Nếu tốt nghiệp và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng Cử nhân
※Tùy từng trường Đại học, có những trường sẽ tự quy định điều kiện cần thiết và số tín chỉ tốt nghiệp.

Phân loại		Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Bằng cấp đạt được
Đại học (Khoa)	Khoa thông thường, khoa Dược 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân
	Khoa Y, Nha khoa, Thú y và khoa Dược hệ 6 năm	6 năm	Y khoa, Nha khoa 188 tín chỉ trở lên	
			Thú y 182 tín chỉ trở lên	
			Dược 186 tín chỉ trở lên	
Cao đẳng	Chương trình học 2 năm	-	62 tín chỉ trở lên	Cao đẳng
	Chương trình học 3 năm	-	93 tín chỉ trở lên	
Đại học nghề	-	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân (Chuyên môn nghề)
Cao đẳng nghề	Chương trình học 2 năm	-	62 tín chỉ trở lên	Cao đẳng (Chuyên môn nghề)
	Chương trình học 3 năm	-	93 tín chỉ trở lên	

※ Các trường Đại học nghề có chia thành 2 kỳ học, sau khi hoàn thành xong kỳ đầu tiên có thể nhận được bằng "Cao đẳng" (Chuyên môn nghề).

SAU ĐẠI HỌC

1. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Khóa học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Giai đoạn đầu/ Kỳ đầu)

① Đã tốt nghiệp Đại học
② Đã nhận được bằng cử nhân do Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học (NIAD-QE) cấp
③ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm ngoài nước Nhật (18 năm khi nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Nha khoa, Dược, Thú y)
④ Đã hoàn thành chương trình học đào tạo từ xa 16 năm tại Nhật của các trường nước ngoài (18 năm khi nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Nha khoa, Dược hoặc Thú y)
⑤ Hoàn thành chương trình học ở các trường của nước ngoài có cơ sở đào tạo tại Nhật Bản đã được công nhận tương đương với hệ Đại học của nước ngoài. (Những trường Đại học của nước ngoài có cơ sở tại Nhật Bản được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định)
⑥ Có bằng cử nhân hoặc tương đương sau khi hoàn thành chương trình học từ 3 năm trở lên tại các trường Đại học nước ngoài (5 năm nếu nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Dược, Nha khoa, Thú y)
⑦ Đã tốt nghiệp trường dạy nghề được chỉ định (Danh sách do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định)
⑧ Đã hoàn thành khóa học Đại học của hệ thống đào tạo trước đây
⑨ Đã tốt nghiệp các trường Đại học trực thuộc các Bộ ban ngành khác như Đại học quốc phòng, Đại học an toàn hàng hải, Đại học khí tượng...
⑩ Từ đủ 22 tuổi, đã được công nhận theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường hệ Sau đại học

2. Khóa học Tiến sĩ (Giai đoạn sau/ Kỳ sau)

① Có bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề của Nhật (Professional Degree)
② Có bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề (Professional Degree) ở ngoài nước Nhật
③ Đã nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề (Professional Degree) tại Nhật do đã hoàn thành chương trình đào tạo từ xa tại Nhật được tiến hành bởi trường ngoài nước Nhật
④ Người được cấp bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề (Professional Degree) sau khi hoàn thành khóa học tại các trường nước ngoài được chỉ định tại Nhật Bản, được công nhận tương đương hệ Sau đại học ở nước ngoài (Những trường đại học <tương đương các trường Sau đại học> có cơ sở đào tạo tại Nhật Bản được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định)
⑤ Những người có bằng tương đương Thạc sĩ sau khi hoàn thành khóa học của Đại học Liên Hợp Quốc
⑥ Đã tốt nghiệp Đại học, có trên 2 năm nghiên cứu tại các trường Đại học, trung tâm nghiên cứu, là người được công nhận có học lực tương đương người có bằng Thạc sĩ, bằng Chuyên môn nghề (Professional Degree)
⑦ Từ đủ 24 tuổi, được công nhận theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học

3. Khóa học Tiến sĩ (Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y)

Tùy theo chương trình học mà hồ sơ nhập học có sự khác nhau nên hãy liên hệ với các trường trước khi nộp hồ sơ vào các khóa học Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y.

2. Bản kế hoạch nghiên cứu

Bản kế hoạch nghiên cứu là tài liệu xác định đề tài và tóm tắt cách thức nghiên cứu như thế nào. Hầu hết các trường Sau đại học đều yêu cầu nộp bản kế hoạch nghiên cứu.

Nội dung bao gồm các mục như dưới đây:

① Mục đích nghiên cứu
② Bối cảnh nghiên cứu
③ Ý nghĩa
④ Phương pháp
⑤ Tài liệu tham khảo v.v.

Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế
Bạn có thể học được cách viết bản kế hoạch nghiên cứu hoặc những điều cần chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp.
Tác giả: JASSO
Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd. (Phát hành tại Nhật)
※ Có thể xem tại các kênh thông tin công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 45)

Hình thức và số chữ được quy định khác nhau tùy từng trường. Về cơ bản, khoảng 2,000 từ. Để viết bản kế hoạch nghiên cứu, điều quan trọng là phải tìm kiếm luận văn liên quan tới lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu. Những nghiên cứu đó đã tiến hành đến đâu, vấn đề còn lại là gì...

Điểm quan trọng khi đánh giá:

① Nguyện vọng, ý muốn khi nghiên cứu
② Năng lực phát hiện vấn đề
③ Năng lực phân tích sự việc
④ Tư duy logic
⑤ Kiến thức chuyên môn

Tra cứu luận văn

CiNii Articles
https://ci.nii.ac.jp/

3-1 Tìm trường

Thông tin Sau đại học (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường Sau đại học (JAPAN STUDY SUPPORT)
https://www.jpss.jp/ja/

3-2 Tìm giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là người sẽ giúp bạn định hướng kế hoạch học tập và nghiên cứu, do đó về cơ bản phải tự tìm giáo sư hướng dẫn. Có trường yêu cầu cần có sự chấp nhận của giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ.

Cách tìm giáo sư hướng dẫn

- Nhờ giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học giới thiệu giúp.
- Tìm thông tin trên các báo, tạp chí nghiên cứu khoa học, thông tin từ cựu du học sinh tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu tại nước mình v.v.
- Tìm thông tin trên các trang web.
- Nhờ trường bạn muốn theo học giới thiệu giúp.

Lời khuyên từ Sempai

Giáo sư hướng dẫn rất quan trọng trong cuộc sống của sinh viên. Hãy hỏi Sempai những thông tin liên quan tới giáo sư hướng dẫn và đánh giá xem có hợp với bản thân mình hay không.

Tra cứu nhà nghiên cứu

researchmap
https://researchmap.jp/auth/login

Liên hệ với giáo sư hướng dẫn và trường Đại học

Bạn cần viết rõ ràng, cụ thể thành quả nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu của mình và lý do chọn giáo sư đó, nếu có thêm thư tiến cử của giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học là tốt nhất. Vì giáo sư chỉ có thể đánh giá năng lực của bạn dựa trên các giấy tờ nên bạn cần trao đổi với giáo sư nhiều lần để cho họ thấy được sự nhiệt huyết của bạn. Tham khảo cách viết email cho giáo sư hướng dẫn trong cuốn "Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế" đã giới thiệu ở trên.

4-1 Hồ sơ cần nộp

Nếu muốn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học, có những trường yêu cầu phải dự thi trực tiếp, nhưng cũng có trường muốn bạn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học sau khi hoàn thành khóa "Nghiên cứu sinh".

① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
② Bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
③ Bằng Thạc sĩ (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) (Trường hợp học khóa Tiến sĩ)
④ Bảng điểm của cấp học gần nhất
⑤ Thư tiến cử
⑥ Luận văn nghiên cứu (Luận văn tốt nghiệp) và bản tóm tắt luận văn ở trường đại học đã theo học
⑦ Bản kế hoạch nghiên cứu
⑧Các giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

Lời khuyên

Sinh viên nghiên cứu/Nghiên cứu sinh (Research student) là gì?

Sinh viên nghiên cứu (âm Hán Việt là "Nghiên cứu sinh") là những sinh viên không chính quy như dưới đây:

① Là người theo học để nghiên cứu trong thời gian ngắn không có mục đích lấy bằng (Chủ yếu là Sau đại học)
② Là người theo học với tư cách là sinh viên du học ngắn hạn dựa trên hiệp định giao lưu giữa các trường đại học (Đại học, Sau đại học)
③ Là người theo học trong thời gian chuẩn bị nhập học khóa chính quy Sau đại học (Chủ yếu là sinh viên đã tốt nghiệp đại học)

Tuyển chọn: chủ yếu thông qua xét duyệt hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường yêu cầu phỏng vấn.

Tư cách lưu trú: Sinh viên nghiên cứu ("Nghiên cứu sinh") muốn nhận được tư cách lưu trú "du học" cần tham gia giờ học ít nhất 10 giờ 1 tuần. Ngoài ra, Nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu không có thù lao bất kể có nghe giảng hay không, sẽ tương ứng với tư cách lưu trú là "Hoạt động văn hóa".

4-2 Thời gian nộp hồ sơ

Hầu hết các trường tuyển sinh trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 1. Thời gian nhập học cho đợt tuyển sinh trên thường vào tháng 4. Cũng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

4-3 Kỳ thi đầu vào

Các trường căn cứ các tiêu chí dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ trên trang web của trường.

① Thẩm định hồ sơ (Hồ sơ nộp)
② Kiểm tra học lực (Kiểm tra chuyên ngành hoặc thi viết các môn được chỉ định)
③ Phỏng vấn (Trực tiếp hoặc online)
④ Viết tiểu luận, bài văn
⑤ Thi vấn đáp đối với các môn chuyên ngành (Trực tiếp hoặc qua điện thoại v.v.)

5. Nghề chuyên môn Sau đại học là gì?

Nghề chuyên môn Sau đại học là chương trình đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng những chuyên gia có năng lực chuyên môn cao có thể hoạt động trong xã hội và quốc tế, để tương xứng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và quá trình toàn cầu hóa.
Có những nghề chuyên môn Sau đại học tiêu biểu như: Hệ Sau đại học Khoa luật đào tạo chuyên gia luật, hệ Sau đại học đào tạo giáo viên, ngoài ra còn có hệ Sau đại học trong các lĩnh vực như thương mại và MOT (Kinh doanh công nghệ), kế toán, chính sách công, sức khỏe cộng đồng v.v.

6. Để hoàn thành khóa học

Khóa học	Bằng cấp đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Điều kiện hoàn thành
Khóa học Tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên (bao gồm số tín chỉ tích lũy ở khóa học Thạc sĩ)	Đánh giá luận văn Tiến sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm	30 tín chỉ trở lên	Đánh giá luận văn Thạc sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa cấp Bằng chuyên môn nghề (Professional Degree)	Thạc sĩ (chuyên môn nghề)	1-2 năm	30 tín chỉ trở lên	
	Tiến sĩ luật (chuyên môn nghề)	3 năm	93 tín chỉ trở lên	
	Thạc sĩ giáo dục (chuyên môn nghề)	2 năm	45 tín chỉ trở lên	

* Có trường hợp khóa học Tiến sĩ Sau đại học được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm) và giai đoạn sau (3 năm).
* Ngành Y khoa, Nha khoa, Thú y đào tạo 6 năm Đại học và ngành Dược hệ 6 năm sẽ không có khóa Thạc sĩ, cần 4 năm đào tạo cho khóa Tiến sĩ.

KHÓA HỌC BẰNG TIẾNG ANH

Trong xu hướng toàn cầu hóa, để không bị hạn chế do rào cản của việc học bằng tiếng Nhật, các trường Đại học, Sau đại học của Nhật Bản đang tích cực mở mới các "Chương trình học hoàn toàn bằng tiếng Anh được cấp bằng". Tuy nhiên, tại các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) và trường dạy nghề không có các chương trình như vậy.

1. Chọn trường

Những chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

Tra cứu thông tin trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
http://www.jpss.jp/ja/

2. Hồ sơ cần nộp

Ngoài những giấy tờ thông thường (xem trang 13, trang 15), nhiều trường hợp cần nộp thêm các giấy tờ sau:

① Chứng chỉ năng lực tiếng Anh (bảng điểm của các kỳ thi phổ biến như TOEFL®、IELTS v.v.).
② Bản chứng nhận năng lực học tập (hệ đại học cần bảng điểm của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), SAT, bảng điểm tốt nghiệp Trung học Phổ thông.)

3. Phương pháp tuyển chọn

① Đánh giá hồ sơ
② Phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp tại quốc gia, khu vực bạn đang sinh sống; phỏng vấn online)
③ Khác

Điểm tiếng Anh cần đạt được

	TOEFL iBT	IELTS
Sau đại học	75-80	6
Đại học	71-80	5.5-6

Các trường Đại học có "tỉ lệ giờ học bằng ngoại ngữ cao" *Ngoại trừ môn ngoại ngữ

STT	Tên trường đại học	Tỉnh	Tỉ lệ
1	Đại học quốc tế Akita (AIU)	Akita	77,6%
2	Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	Oita	76,7%
3	Đại học Aizu	Fukushima	45,5%
4	Đại học Công nghệ Tokyo	Tokyo	44,0%
5	Đại học Quốc tế Christian	Tokyo	42,2 %

Top 10 trường Đại học tư lập có xếp hạng môi trường giáo dục mang "tính quốc tế"

STT	Tên trường đại học	Tỉnh
1	Đại học quốc tế Akita (AIU)	Akita
2	Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	Oita
3	Đại học Quốc tế Christian	Tokyo
4	Đại học Osaka Jogakuin	Osaka
5	Đại học Baiko Gakuin	Yamaguchi
6	Đại học Soka	Tokyo
7	Đại học Ngoại ngữ Thành phố Kobe	Hyogo
8	Đại học Nữ sinh Fukuoka	Fukuoka
9	Đại học Ngoại ngữ Nagoya	Aichi
10	Đại học Ngoại ngữ Kansai	Osaka

*Tính toán từ "Tỷ lệ sinh viên người nước ngoài" , "Tỷ lệ giáo viên người nước ngoài" , "Tỷ lệ giờ học bằng tiếng nước ngoài" , "Tỷ lệ du học của sinh viên người Nhật" .
Nguồn: Bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới THE bản tiếng Nhật

Lời khuyên

Tôi cũng muốn học tiếng Nhật!

Tùy từng trường sẽ có chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp số tín chỉ đó được chấp nhận hoặc không. Ngoài ra, đôi khi cần đóng phí nghe giảng riêng.

Lời khuyên từ Sempai

Mặc dù theo học chương trình đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh, nhưng nếu bạn có thể giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Nhật hoặc học chữ Hiragana, Katakana thì việc sinh hoạt ở Nhật sẽ dễ dàng hơn và cũng sẽ thuận lợi hơn khi xin việc. Ngoài ra, cũng có một số quốc gia yêu cầu kinh nghiệm học tiếng Nhật khi xin Visa, vì vậy hãy xác nhận các hồ sơ cần nộp cho trường.

Số lượng các khóa học trong chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh

Lĩnh vực chuyên môn	Đại học	Sau đại học
Khoa học nhân văn	19	50
Khoa học xã hội	34	165
Giáo dục học	1	9
Khoa học tự nhiên	14	185
Kỹ thuật	24	504
Nông nghiệp, Thủy sản, Thú y	5	143
Y khoa, Sức khỏe học	0	107
Nghệ thuật học	0	16
Khoa tổng hợp, liên ngành	36	111
Khác	17	127

Nguồn: Theo điều tra của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (tính đến thời điểm tháng 5/2021)

DU HỌC NGẮN HẠN, HỌC CHUYỂN TIẾP

1. Du học ngắn hạn

"Du học ngắn hạn" là du học từ khoảng vài tuần đến 1 năm với tư cách là "Sinh viên không chính quy", không phải với mục đích nhận bằng cấp.

Ngôn ngữ sử dụng trong giờ học: có trường hợp dạy bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc đôi khi cả tiếng Nhật và tiếng Anh.

Hình thức khóa học: có trường hợp được xếp lớp riêng dành cho du học sinh ngắn hạn, nhưng phổ biến hơn cả là tham gia các giờ học trong khoa, bộ môn.

Du học ngắn hạn có 5 đặc trưng tiêu biểu sau:

	Thông tin	Tín chỉ	Nơi đóng học phí	Liên hệ
① Du học trao đổi	Là chế độ du học tại các trường đại học có ký hiệp định trao đổi sinh viên.	Tín chỉ tích lũy ở trường bạn du học thông thường được chấp nhận ở trường bạn đang theo học trong phạm vi hiệp định giao lưu.	Thông thường là trường đang theo học (được miễn học phí tại trường bạn du học)	Trường trong nước đang theo học
② Chương trình khác ngoài "Du học trao đổi"	Là chương trình mà du học sinh không thuộc trường có ký kết hiệp định giao lưu sinh viên cũng có thể tham gia *1	Tùy từng chương trình, có thể tích lũy tín chỉ hoặc không.	Thông thường là trường bạn du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
③ Nghiên cứu sinh *2	Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, có thể nghiên cứu chuyên môn tại khoa sau đại học từ 6 tháng đến 1 năm với tư cách "Nghiên cứu sinh".	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
④ Sinh viên dự thính *2	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích "dự thính".	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
⑤ Sinh viên tự do lựa chọn	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích "tích lũy tín chỉ".	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học

*1 Tra cứu các trường Đại học có chương trình ngắn hạn (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

*2 Theo quy định, để có tư cách lưu trú "Du học", cả Nghiên cứu sinh dự thính, Sinh viên dự thính và Sinh viên tự do lựa chọn môn học cần phải "dự thính ít nhất 10 tiếng trở lên trong 1 tuần". Ngoài ra, bất kể có nghe giảng hay không, cần có tư cách lưu trú "Hoạt động văn hóa" đối với nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu không có thù lao.

Q Có học bổng dành cho du học ngắn hạn không?

A Có những loại học bổng sau:

① Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh tiếng Nhật và văn hóa Nhật Bản.

Đối tượng: Sinh viên đang theo học tại các trường đại học (các khoa) và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan tới tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản.
Số tiền cấp hàng tháng: 117,000 JPY
Liên hệ: ① Tiến cử bởi Đại sứ quán: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại
② Tiến cử bởi trường đại học: Trường đại học của Việt Nam đang theo học

② Học bổng được cấp theo chế độ hỗ trợ du học nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định) của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

Đối tượng: Sinh viên du học theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.
Số tiền cấp hàng tháng: 80,000 JPY
Liên hệ: Trường trong nước đang theo học
Ngoài những học bổng trên, có trường hợp các trường đại học hoặc tổ chức sẽ cấp học bổng riêng, hãy hỏi trường nơi bạn du học để biết thêm thông tin chi tiết.

2. Hãy tìm hiểu về học chuyển tiếp, học liên thông!

Mặc dù có nhiều trường có chế độ học chuyển tiếp, học liên thông nhưng tình hình thực tế có nhiều thay đổi như sau:

- Không phải năm nào cũng tiếp nhận.
- Không phải tất cả các khoa, các ngành đều tiếp nhận.
- Không phải tất cả số năm học đã hoàn thành hoặc số tín chỉ đã đạt được trước đó đều được công nhận.

Để học chuyển tiếp, học liên thông vào các trường đại học (khoa) cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp trường cao đẳng (bao gồm cả trường cao đẳng của nước ngoài), hoặc trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN).
- Hoàn thành khóa chuyên môn của trường dạy nghề (chương trình học đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ quy định)
- Hoàn thành chương trình học ở các trường đại học nước ngoài có sơ sở đào tại Nhật Bản (tương đương cao đẳng) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
- Hoàn thành khóa học chuyên môn của các trường Trung học Phổ thông (bao gồm các trường giáo dục đặc biệt và khóa kỳ sau của các trường Trung học Cơ sở) đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ quy định.

※Các trường Đại học sẽ quyết định điều kiện, chứng chỉ liên quan đến học chuyển tiếp.

Thông tin về học chuyển tiếp, liên thông thường ít hơn thông tin về nhập học thông thường. Hãy nhanh chóng hỏi trực tiếp các trường bạn có nguyện vọng học để biết thông tin chi tiết.

Tra cứu các trường Đại học có chế độ học chuyển tiếp (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

TRƯỜNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp là cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông được gọi là "KOSEN". Tiến hành đào tạo cho học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở trong vòng 5 năm (đối với ngành thương mại hàng hải là 5 năm rưỡi). Thông thường, du học sinh nước ngoài sẽ học liên thông vào năm thứ 3. Trên toàn nước Nhật có 51 trường KOSEN Quốc lập với 55 Campus. Ngoài KOSEN Quốc lập còn có KOSEN Công lập và KOSEN Tư lập.

1. Đặc thù đào tạo

• Là cơ sở đào tạo kỹ thuật viên thực hành có thể thích ứng nhanh chóng với khoa học kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kỹ thuật mang tính ứng dụng trên thế giới trên cơ sở đào tạo lý thuyết nâng cao kết hợp coi trọng thực nghiệm, thực tập và thực hành.
• Có nhiều môn chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ, ngoài ra còn có khoa thương mại hàng hải mục đích là đào tạo các thuyền viên.
• Sau khi hoàn thành khóa học 5 năm, người học có thể nhận được chứng chỉ tương đương Cao đẳng.
• Sau khi kết thúc khóa học 5 năm, còn có chế độ đào tạo nâng cao thêm 2 năm nữa.
• Sau khi hoàn thành khóa chuyên ngành và vượt qua vòng đánh giá của Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục đại học (NIAD-QE), người học có thể nhận bằng "cử nhân".

2. Điều kiện học liên thông

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau (trường hợp KOSEN quốc lập)

① Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học trên 11 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
② Đỗ hoặc dự kiến đỗ kỳ thi đánh giá học lực tương đương chương trình học từ 11 năm trở lên ngoài nước Nhật.
③ Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học tại các trường dành cho người nước ngoài ở Nhật đã được chỉ định tương đương với trung học phổ thông tại nước ngoài.
④ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng tú tài quốc tế ngoài nước Nhật do Văn phòng tú tài quốc tế - cơ quan được thành lập dựa trên Bộ Luật dân sự Thụy Sĩ, trao tặng.
⑤ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng Abitur ngoài nước Nhật, được công nhận là bằng cấp ứng tuyển vào đại học ở các bang của Cộng hòa Liên bang Đức.
⑥ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng tú tài ngoài nước Nhật được công nhận là bằng cấp ứng tuyển vào đại học tại Cộng hòa Pháp.
⑦ Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường dành cho người nước ngoài được các Tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
⑧ Những người được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

※Trong các mục từ 1 -> 3, Trường hợp không thỏa mãn điều kiện của Chương trình đào tạo 11 năm, thì phải hoàn thành chương trình học tại cơ sở thực tập hoặc khóa dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

3-1 Du học bằng học bổng Chính phủ

Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh trường KOSEN.
Liên hệ: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại.

3-2 Trường hợp du học tự túc

1 Giấy tờ cần nộp

Giấy tờ cần nộp có mẫu thống nhất vì Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển chọn chung cho các trường KOSEN Quốc lập. Hãy kiểm tra thông tin trên trang web của Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp.

2 Thi đầu vào

Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp sẽ đánh giá tổng hợp các mục dưới đây để quyết định đỗ, trượt. (Kết quả thực tế thực hiện năm 2020)
① Đơn xin học
② Kết quả Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)
③ Thành tích của 1 trong các chứng chỉ sau: TOEFL®, IELTS hoặc TOEIC® L&R
④ Đánh giá qua phỏng vấn (Tổ chức tại Nhật)

Hiệp hội các trường KOSEN Quốc lập:
http://www.kosen-k.go.jp/

4. Lộ trình sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp KOSEN, có thể lựa chọn đi làm hoặc học lên. Có ít nhất 20 công ty có tiếng đăng ký tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp KOSEN. Rất nhiều sinh viên tốt nghiệp KOSEN đã và đang rất thành công trong các lĩnh vực sản xuất, quản lý sản xuất, phát triển nghiên cứu bằng cách áp dụng những kiến thức và kỹ thuật đã được đào tạo tại trường. Có nhiều du học sinh học liên thông lên các trường Đại học quốc lập.

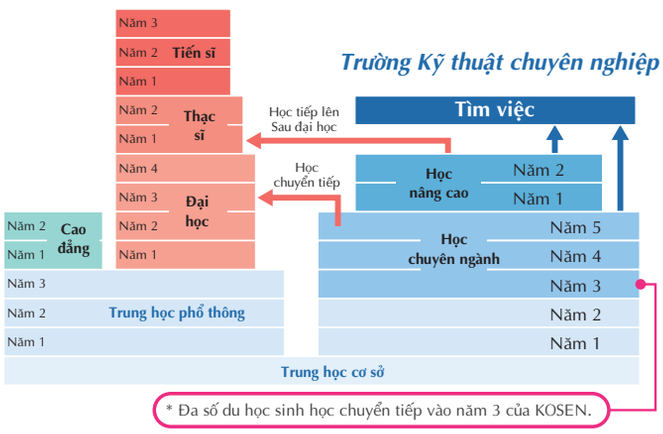

TRƯỜNG DẠY NGHỀ (KHÓA CHUYÊN MÔN TRƯỜNG DẠY NGHỀ)

Trường dạy nghề còn được gọi là "trường chuyên môn" (SENMON), là một trong các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông có các khóa chuyên ngành trong trường dạy nghề. Là cơ sở giáo dục với mục đích nâng cao kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thực tế, rèn luyện kỹ thuật, học kĩ năng và nâng cao trình độ văn hóa. Ngoài khóa đào tạo trên 2 năm có thể nhận được chứng chỉ "chuyên môn", còn có các khóa đào tạo 4 năm trở lên có thể nhận được chứng chỉ "chuyên môn cao cấp" hướng tới việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cao hơn.

1. Đặc thù đào tạo là?

Trường dạy nghề phân chia thành 8 chuyên ngành lớn là: ① Y tế, ② Công nghiệp, ③ Văn hóa, đào tạo, ④ Thực tiễn thương mại, ⑤ Vệ sinh, ⑥ Giáo dục, Phúc lợi xã hội, ⑦ Thời trang, Công việc gia đình, ⑧ Nông nghiệp
Ví dụ, có thể học những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc dưới đây:
Nhà thiết kế nội thất, Kiến trúc sư, Kỹ sư hệ thống, Thợ sửa ô tô, Điều dưỡng, Chuyên gia dinh dưỡng, Đầu bếp, Thợ làm bánh, Thợ làm tóc, Kế toán viên hành nghề chính thức, Thông dịch viên, Biên dịch viên, Tiếp viên hàng không, Nhân viên khách sạn, Người chăm sóc trẻ, Người giúp việc, Nhà thiết kế thời trang, Sản xuất phim hoạt hình, Đạo diễn phim, Nghệ sĩ biểu diễn, Nhà thiết kế Game, Nhà thiết kế trang sức v.v.

2. Năng lực tiếng Nhật cần thiết

Các giờ học ở trường dạy nghề đều dạy bằng tiếng Nhật nên sinh viên phải có năng lực tiếng Nhật.
Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

① Đã học tiếng Nhật 6 tháng trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.
② Đã đỗ N1 hoặc N2 trong Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT) do Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services) và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) tổ chức.
③ Đã từng học trên 1 năm tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông của Nhật.
④ Đạt 200 điểm trở lên (tổng điểm môn tiếng Nhật (đọc hiểu, nghe hiểu và nghe đọc hiểu)) trong Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU).
⑤ Đạt 400 điểm trở lên trong Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật thương mại BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán tổ chức.

3. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
② Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
③ Đã hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
⑤ Những người có bằng Tú tài Quốc tế, bằng Abitur của Đức, bằng Tú tài Pháp hoặc những người thỏa mãn số điểm trong kỳ thi GCE A level (Chứng chỉ Giáo dục Phổ thông Bậc Cao) theo quy định riêng của từng trường.
⑥ Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường dành cho người nước ngoài được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) tại Nhật công nhận.
⑦ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
⑧ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
⑨ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo Luật Giáo dục ngoài các điều kiện trên.

※Từ ① ~ ③, nếu chương trình học không đủ 12 năm cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

4. Chọn trường

Trường dạy nghề, Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Trường được cấp phép chính thức	Là trường được tỉnh trưởng cấp phép hoạt động không? Nếu là trường không được cấp phép, sẽ không lấy được chứng chỉ "Chuyên môn".
② Nội dung đào tạo, số lượng giáo viên	Chương trình đào tạo thế nào? Tỉ lệ giáo viên và học sinh?
③ Cơ sở vật chất, thiết bị	Có trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hành về mặt kỹ thuật không? Hãy xác nhận qua ảnh và tài liệu.
④ Hướng dẫn tìm việc, định hướng cho sinh viên sau tốt nghiệp	Phương châm hướng dẫn tìm việc? Nơi làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp? Có làm đúng ngành mình muốn không?
⑤ Học phí	Năm đầu? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp? Khi nào đóng học phí?
⑥ Đánh giá của mọi người	Hãy sử dụng mạng lưới liên lạc của sinh viên đã tốt nghiệp và du học sinh để hỏi.

Lời khuyên

Điều kiện tốt nghiệp

Hãy xác nhận với trường xem có phải là chương trình được cấp chứng chỉ "chuyên môn" hay không.

Tra cứu trường dạy nghề (Hiệp hội các trường dạy nghề Tokyo)
https://tsk.or.jp

Danh sách các Trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Tổ chức đào tạo công việc và đào tạo nghề nghiệp)
http://study-japan-ptc.jp/search

5. Hồ sơ cần nộp

① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
③ Bảng điểm của cấp học gần nhất
④ Giấy xác nhận tỷ lệ tham dự giờ học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, bảng điểm (trường hợp sống ở Nhật)
⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (trường hợp sống ở ngoài nước Nhật)
⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

6. Kỳ thi đầu vào

Tổ chức kết hợp nhiều vòng thi như: ① Xét hồ sơ , ② Kiểm tra học lực, ③ Phỏng vấn, ④ Viết luận, ⑤ Kiểm tra sự phù hợp, ⑥ Kiểm tra kĩ năng thực tế, ⑦ Thi tiếng Nhật v.v.

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố sau ① Mục đích vào học ② Có năng lực tiếng Nhật và học lực để theo học sau khi vào học không ③ Có ý muốn học tập không.

7. Sự khác biệt giữa chứng chỉ Chuyên môn và chứng chỉ Chuyên môn cao cấp

	Chứng chỉ Chuyên môn	Chứng chỉ Chuyên môn cao cấp
① Thời gian học	2 năm trở lên	4 năm trở lên
② Thời lượng học	1.700 giờ học trở lên	3.400 giờ học trở lên
③ Đánh giá tốt nghiệp	Đánh giá tốt nghiệp qua kết quả thi tốt nghiệp, công nhận đã hoàn thành khóa học	
④ Tổ chức khóa học	—	Khóa học được tổ chức có hệ thống
⑤ Cơ hội sau khi tốt nghiệp	Được học chuyển tiếp vào Đại học nếu lấy được chứng chỉ Chuyên môn	Được phép nhập học hệ Sau đại học nếu lấy được chứng chỉ Chuyên môn cao cấp

CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIẾNG NHẬT

Là các cơ sở dạy tiếng Nhật cho đối tượng tiếng Nhật không phải tiếng mẹ đẻ. Tại các cơ sở đào tạo sau trung học phổ thông ở Nhật, về cơ bản hầu hết các môn đều được dạy bằng tiếng Nhật. Để có thể tham dự giờ học tại các trường tiếng Nhật cần đạt mức N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Trình độ này được cho là tương đương với mức học tiếng Nhật 600 ~ 900 tiếng trở lên. Tùy thuộc vào môi trường và sự nỗ lực của bản thân nhưng dù tập trung học ở Nhật thì cũng cần 1 hoặc 2 năm để đạt được trình độ đó.

1. Các loại cơ sở giáo dục tiếng Nhật và số lượng

Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được phân loại dựa vào người/cơ quan thành lập, mục đích, điều kiện nhập học; tư cách lưu trú, số lượng trường, số lượng học sinh như sau:

	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		Các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường Đại học, Cao đẳng tư lập (khóa Bekka) ※4
Người/Tổ chức thành lập	Các trường có tư cách pháp nhân (trường dạy nghề và các loại hình trường khác), quỹ lợi ích cộng đồng có tư cách pháp nhân, công ty cổ phần, tổ chức đoàn thể, cá nhân v.v.		Đại học, cao đẳng tư lập
Mục đích	① Học tiếng Nhật ※1 ② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	① Học tiếng Nhật ② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn
Điều kiện nhập học	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học chưa đủ 12 năm ※2	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm
Số lượng	583		58
Thời gian khóa học	1 ~ 2 năm (thông thường)		1 ~ 2 năm
Tư cách lưu trú	Du học ※3		Du học
Số lượng người đang theo học	60,814 người		Khoảng 6,000 người

※1 Có những khóa có thể học tiếng Nhật cần thiết trong sinh hoạt hoặc tiếng Nhật thương mại.

※2 Tùy vào hệ thống giáo dục của nước sở tại, trường hợp chương trình đào tạo của các trường chính quy (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) không đủ 12 năm, trường hợp là học sinh tốt nghiệp THPT và chưa hoàn thành khóa học được chỉ định thì không đủ điều kiện để nhập học vào các trường đại học của Nhật Bản v.v. Trong những trường hợp đó, nếu hoàn thành khóa đào tạo dự bị do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì sẽ đủ điều kiện nhập học.
Trong khóa đào tạo dự bị, ngoài môn tiếng Nhật, sẽ được học các môn cơ bản cần thiết cho việc nhập học vào Đại học như tiếng Anh, Toán, Xã hội, Khoa học tự nhiên v.v.

※3 Việc nhận được tư cách lưu trú "Du học" chỉ được giới hạn trong những cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

※4 Bekka là khóa đào tạo tiếng Nhật dành cho đối tượng du học sinh được gọi là khóa tiếng nhật dành cho du học sinh "Ryugaku Bekka" hoặc khóa tiếng Nhật đặc biệt "Nihongo Bekka" được thành lập ở các trường Đại học, Cao đẳng tư lập. Bạn sẽ được học tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản, tình hình Nhật Bản và các môn học cơ bản để học tiếp lên Đại học. Nếu muốn học tiếp lên Đại học, bạn có thể sử dụng chế độ tiến cử vào trường Đại học có khóa Bekka, hoặc bạn có thể thi vào trường Đại học khác. Ngoài ra, còn có một ưu điểm nữa là bạn có thể sử dụng thiết bị, dịch vụ trong trường.

2. Thời gian nộp hồ sơ và thời gian vào học

Nhập học tháng 4	Nhập học tháng 10	
Tháng 4 - 9	Tháng 10 - 2	Tập hợp hồ sơ, chuẩn bị hồ sơ, gửi bưu điện
Tháng 9 - 11	Tháng 2 - 4	Nộp hồ sơ
Tháng 1 - 3	Tháng 7 - 9	Thủ tục nhập cảnh, thủ tục nhập học
Tháng 4	Tháng 10	Bắt đầu chương trình học

Ngoài ra, mặc dù ít nhưng cũng có một vài trường bắt đầu khóa học vào tháng 7 hoặc tháng 1.
Hãy bắt đầu chuẩn bị trong khoảng thời gian dư giả ít nhất là trước 6 ~ 9 tháng.

3. Hồ sơ cần nộp

① Đơn xin nhập học
② Sơ yếu lý lịch
③ Bảng điểm Trung học phổ thông hoặc Đại học
④ Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc Đại học (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
⑤ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính
⑥ Giấy tờ khác

Lời khuyên

Có thể chuyển trường không?
Về nguyên tắc không thể chuyển trường giữa các cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Hãy xem thông tin trên trang web của trường, tài liệu hướng dẫn về trường, sổ tay giới thiệu trường hoặc hỏi ý kiến những sinh viên đã và đang học tại trường, thu thập thông tin và chọn trường một cách cẩn thận.

4. Hãy tìm trường!

Các trường chú trọng vào việc đánh giá hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường tổ chức phỏng vấn thí sinh, người bảo lãnh hoặc tổ chức thi viết.

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Điểm quan trọng khi chọn trường!

1 - Visa du học	Có phải cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định không? (nếu không phải trường do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định thì không thể nhận được Visa du học)
2 - Mục đích học là gì?	Giao tiếp hàng ngày? Học lên Đại học? Tiếng Nhật thương mại?
3 - Tổ chức lớp học	Có tiến hành chia lớp theo trình độ tiếng Nhật của học sinh không? Một lớp có bao nhiêu người?
4 - Số lượng học sinh, giáo viên	Quy mô trường? Tỉ lệ học sinh và giáo viên?
5 - Tỉ lệ học sinh đến từ các nước	Có nhiều học sinh đến từ các nước sử dụng chữ Hán không? Có sự quan tâm tới học sinh đến từ các nước không sử dụng chữ Hán không?
6 - Số giờ học	Tổng số giờ học hoặc số giờ học của từng môn?
7 - Phương pháp luyện thi	Có tổ chức ôn thi du học Nhật Bản (EJU) hoặc năng lực tiếng Nhật (JLPT) không? Có giờ học của môn cơ bản (tiếng Anh, Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử thế giới, Địa lý v.v.) không?
8 - Tư vấn định hướng về học tập và cuộc sống sinh hoạt	Có tư vấn định hướng về học tập hoặc về cuộc sống sinh hoạt không?
9 - Định hướng của học sinh tốt nghiệp	Nơi học tiếp lên của học sinh đã tốt nghiệp? Có thể vào các trường có nguyện vọng nhập học không?
10 - Học phí	Số tiền có tương ứng với số giờ học, số lượng giáo viên, trang thiết bị không? Trường hợp nghỉ học giữa chừng có trả lại học phí không? Có được nhận ưu đãi giảm giá phí đi lại bằng đường sắt không?
11 - Thi đầu vào	Chỉ đánh giá hồ sơ? Có phỏng vấn người bảo lãnh hoặc người cần liên lạc tại Nhật không? Có tuyển chọn học sinh ngoài nước Nhật không?
12 - Địa chỉ của trường	Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?
13 - Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho học sinh không? Có tìm giúp phòng trọ không?

A. Khoá tiếng nhật Bekka của các trường Đại học, Cao đẳng tư lập

Danh sách các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của trường Đại học, Cao đẳng tư lập (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/nihongokyouiku.html

B. Danh sách Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định (Mới có thể xin được Visa du học)

Danh sách Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định
http://www.moj.go.jp/isa/laws/nyukan_nyukanho_ho28-2.html

Thực trạng đào tạo ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật do Bộ Tư Pháp chỉ định (MEXT)
https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/ryugaku/1382482.htm

Tra cứu các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật)
https://www.nisshinkyo.org/search/

Hội liên hiệp trường tiếng Nhật toàn quốc (JaLSA)
http://www.jalsa.jp/

Khóa đào tạo dự bị do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/nihongokyouiku.html

Lời khuyên

Có khóa học bằng tiếng Anh không?
Số lượng các trường có chương trình học bằng tiếng Anh đã tăng lên! (Tham khảo Trang 17 – Chương trình học bằng tiếng Anh)
Các chương trình học bằng tiếng Anh được cấp bằng (Trang Thông tin du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/search-school/daigakukensaku.html

C. Các trường nằm ngoài danh sách của Bộ trưởng Bộ Tư Pháp chỉ định sẽ không được cấp Visa du học

KỲ THI DU HỌC NHẬT BẢN (EJU)

Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) là **kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật và trình độ kiến thức cơ bản (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, toán học)** của những du học sinh người nước ngoài có nguyện vọng du học Đại học (khoa) của Nhật Bản.

Số lượng các trường sử dụng kết quả Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)

Đại học	469 trường
Đại học nghề	1 trường
Cao đẳng	100 trường
Sau đại học	71 trường
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	51 trường
Trường dạy nghề	179 trường
Tổng cộng	871 trường

(Tính đến thời điểm tháng 1 năm 2021)

Hơn nửa số trường đại học của Nhật (hầu như toàn bộ đại học quốc lập) sử dụng kết quả EJU để tuyển chọn sinh viên nhập học.

Cho dù cùng một trường đại học nhưng việc sử dụng kết quả EJU trong kỳ thi đầu vào tùy thuộc vào từng khoa nên hãy xác nhận xem khoa mình muốn vào học có cần kết quả EJU hay không tại trang web sau:

Các trường sử dụng kết quả Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) trong kỳ thi đầu vào
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/use/

1. Thời gian thi khi nào?

Một năm tổ chức 2 lần
Lần 1: tháng 6
Lần 2: tháng 11

2. Địa điểm thi ở đâu?

Tại Nhật Bản: 16 thành phố
Ngoài Nhật Bản: 18 thành phố thuộc 14 quốc gia, khu vực
Những thành phố (ngoài nước Nhật) tổ chức thi EJU.
Ấn Độ (New Delhi), Indonesia (Jakarta, Surabaya), Hàn Quốc (Seoul, Busan), Sri Lanka (Colombo), Singapore, Thái Lan (Bangkok, Chiangmai), Đài Loan (Đài Bắc), Philippines (Manila), Việt Nam (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), Hong Kong, Malaysia (Kuala Lumpur), Myanmar (Yangon), Mông Cổ (Ulaanbaatar), Nga (Vladivostok)

3. Môn thi EJU

Lựa chọn môn thi, ngôn ngữ thi theo yêu cầu của trường. Thí sinh không thể cùng lúc chọn thi môn khoa học tự nhiên và môn tổng hợp (khoa học xã hội).

Môn thi		Mục đích	Thời gian	Thang điểm	Chọn môn (Chọn trong ngày dự thi)	Ngôn ngữ thi
Tiếng Nhật		Đánh giá trình độ tiếng Nhật (Tiếng Nhật học thuật) cần có để học tập tại các trường Đại học của Nhật.	125 phút	Đọc hiểu, Nghe hiểu và Nghe đọc hiểu 0~400 điểm Viết 0~50 điểm		Chỉ bằng tiếng Nhật
Học lực cơ bản	Khoa học tự nhiên	Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về các môn khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) cần thiết để học tại các ngành thuộc khối khoa học tự nhiên trong các trường đại học của Nhật.	80 phút	0～200 điểm	Chọn 2 môn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học	Tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (lựa chọn)
	Khoa học xã hội ※	Đánh giá học lực cơ bản đối với môn khoa học xã hội đặc biệt là khả năng tư duy và lý luận cần thiết để học tại các trường đại học của Nhật.	80 phút	0～200 điểm		
	Toán học	Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về môn toán cần thiết để học tại các trường Đại học của Nhật.	80 phút	0～200 điểm	Chọn 1 trong 2 chương trình, chương trình 1 (khoa học xã hội và khoa học tự nhiên sử dụng ít toán), chương trình 2 (sử dụng nhiều toán)	

※Môn khoa học xã hội là một môn học riêng biệt của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU). Đây là môn học kết hợp các môn "Công dân" (trọng tâm là kinh tế - chính trị), "Địa lý", "Lịch sử" được học tại các trường trung học phổ thông của Nhật Bản.

(Ví dụ) Hướng dẫn tuyển sinh của trường đại học A (Chỉ định các môn thi EJU)

Khoa	Tiếng Nhật	Khoa học xã hội	Toán học	Khoa học tự nhiên				Ngôn ngữ thi đánh giá học lực cơ bản	Áp dụng cho kỳ thi của đợt
				Vật lý	Hoá học	Sinh học	Tự chọn môn thi		
Khoa Luật	○	○	Chương trình 1					Tiếng Nhật	Tháng 6/2021, Tháng 11/2021
Khoa Kỹ thuật			Chương trình 2	○			Tự chọn 1 môn còn lại	Tiếng Anh	Tháng 6/2021

4. Lịch trình

		Lần 1	Lần 2	
①	Nộp hồ sơ	Tháng 2 ~ 3	Tháng 7	Trong thời gian nộp hồ sơ, thí sinh đăng ký bằng hình thức đã quy định sẵn ※1 & nộp lệ phí thi và hồ sơ. ※ Thời gian nộp hồ sơ có thay đổi theo từng năm, hãy xác nhận kỹ.
②	Nhận phiếu dự thi	Tháng 5	Tháng 10	Gửi phiếu dự thi.
③	Ngày thi	Tháng 6	Tháng 11	Dự thi.
④	Công bố kết quả	Tháng 7	Tháng 12	Xác nhận trên trang Web (Người dự thi ngoài nước Nhật sẽ được gửi giấy báo kết quả.) Sau đó, JASSO sẽ cung cấp kết quả thi cho trường mà thí sinh nộp hồ sơ để đối chiếu.

※1 Tùy vào thành phố dự thi, thí sinh sẽ đăng ký bằng hình thức gửi bưu điện hoặc online.
Cụ thể hãy xác nhận tại trang web sau:

Cách thức nộp hồ sơ dự thi Kỳ thi EJU
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/procedure/application.html

5. Lợi ích của kỳ thi EJU

① Học bổng của JASSO (Chế độ đăng ký học bổng)

Những du học sinh tư phí có kết quả thi EJU xuất sắc, là sinh viên chính thức tại các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở đi) hoặc trường dạy nghề đều có thể đăng ký nhận học bổng của JASSO (học bổng khuyến khích học tập dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh).

Số tiền: 48,000 yên / 1 tháng (Năm 2020)

Cách thức đăng ký: Đăng ký theo hướng dẫn khi nộp hồ sơ thi EJU.

Phương thức tuyển chọn: Tuyển chọn thí sinh có thành tích xuất sắc trong Kỳ thi EJU

Học bổng khuyến học dành cho Du học sinh dự thi Kỳ thi EJU
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/

② Không giới hạn số lần thi và độ tuổi! Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm!

Bạn có thể dự thi EJU bao nhiêu lần cũng được. Không bị giới hạn về độ tuổi. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm (có thể sử dụng kết quả tối đa 4 lần) nhưng chỉ có thể nộp 1 lần kết quả cho 1 trường. Ngoài ra, không thể nộp kết quả của từng môn từ nhiều kỳ thi khác nhau. Nhiều trường sẽ chỉ định thời gian phải dự thi, cho nên cần xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường đó.

③ Có thể nhập học trước khi sang Nhật

Có những trường cho phép nhập học trước khi sang Nhật nếu sử dụng kết quả thi EJU.

Danh sách các trường sử dụng kết quả thi EJU và cho phép nhập học trước khi sang Nhật (khoảng 185 trường)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/prearrival/

6. Đề thi EJU các năm trước

Mẫu đề thi các năm trước của Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/pastpaper_sample/index.html

● Đề thi Kỳ thi Du học Nhật Bản EJU có kèm CD nghe hiểu, nghe đọc hiểu

Đề thi EJU của các năm.
Biên soạn, biên tập: JASSO
Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd.
(Được bày bán tại Nhật Bản và Hàn Quốc)
※ Có thể xem quyển sách này tại các địa điểm công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 45)

Liên hệ

Dự thi ở ngoài nước Nhật https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/contact/index.html
(Cơ quan hợp tác tổ chức thi tại nước ngoài)

Dự thi trong nước Nhật Trung tâm tiếp nhận Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) TEL: 0570-55-0585 Email: eju@sdcj.co.jp
※ Điện thoại từ ngoài nước Nhật Tel: +81-42-649-9571

Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/

Kinh nghiệm của những người đã dự thi: https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/voice/index.html

NHỮNG KỲ THI CẦN THIẾT ĐỂ DU HỌC NHẬT BẢN

Hãy xác nhận hướng dẫn tuyển sinh của trường có nguyện vọng nhập học và tham dự các kỳ thi được chỉ định.

1. Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT)

Là kỳ thi được tổ chức với mục đích đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cho những người có tiếng mẹ đẻ khác tiếng Nhật. Kỳ thi được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 ở cả trong và ngoài nước Nhật.

① Thi tại Nhật Bản
Japanese Language Learning Promotion Divison, Japan Educational Exchanges and Services (JEES)
(Trung tâm tiếp nhận hồ sơ/ Ngày thường: 9:30~17:30)
TEL: (+81) 3-6686-2974

Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT) (Dự thi trong nước Nhật)
http://info.jees-jlpt.jp/

② Thi ngoài nước Nhật
Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
FAX: (+81) 3-5367-1025

Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT)
https://www.jlpt.jp/

2. Kỳ thi Đại học toàn quốc

Là kỳ thi được tổ chức dành cho sinh viên Nhật Bản khi thi vào các trường đại học quốc lập, công lập hoặc một số trường đại học (khoa) tư lập. Đối với du học sinh nước ngoài, đa số các trường đại học không yêu cầu phải tham dự kỳ thi này, tuy nhiên một số khoa của một số trường đại học (chủ yếu là Y khoa, Nha khoa) sẽ yêu cầu dự thi.

National Center for University Entrance Examinations
https://www.dnc.ac.jp/

3. Những kỳ thi cần thiết khác khi du học Nhật Bản

● **Kỳ thi chứng nhận năng lực tiếng Anh**
TOEFL, IELTS, TOEIC, Kỳ thi đánh giá kỹ năng tiếng Anh thực tế (Kiểm tra tiếng Anh)

● **Kỳ thi chứng nhận học lực sau khi hoàn thành giáo dục trung học**
SAT, ACT, International Baccalaureate Exams, kết quả thi đại học tại nước sở tại

Lời khuyên

Rất nhiều các trường Đại học của Nhật yêu cầu nộp chứng chỉ tiếng Anh trong bộ hồ sơ. Trong thời gian học ở trường tiếng Nhật hãy dự thi và chuẩn bị trước!

NHẬT KÝ CAMPUS 2

Một ngày của Du học sinh trôi qua như thế nào nhỉ? Trả lời cho câu hỏi này của các bạn, hãy cùng xem một ngày của các Sempai như thế nào! Hãy cùng lắng nghe các Du học sinh đang cố gắng nỗ lực mỗi ngày để biến giấc mơ thành hiện thực!

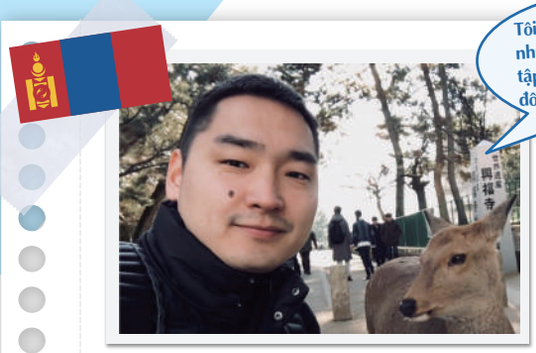

Tôi mong muốn có thể phát huy những tri thức, kinh nghiệm đã học tập ở Nhật Bản, giải quyết các vấn đề đô thị và cống hiến cho Mông Cổ.

Khóa Tiến sỹ, khoa Kỹ thuật đô thị, Đại học Tokyo

Ganzorig lobsan Jam (Mông Cổ)

Ở đại học tôi học ngành kiến trúc, và đi theo con đường thiết kế. Tốt nghiệp Đại học, sau khi đi làm 5 năm tôi muốn tìm kiếm một công việc có quy mô lớn hơn. Chính vì thế mà tôi quyết định du học tại Nhật Bản. Ban đầu tôi đến Nhật với tư cách là nghiên cứu sinh, sau đó để thi vào khoa Sau Đại học tôi đã ôn luyện mỗi ngày. Sau 6 tháng nỗ lực ôn tập thì tôi đã đỗ vào khóa thạc sỹ của trường. Tuy rất bận rộn nhưng tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ bạn bè, thầy cô, và có cơ hội đi du lịch nhiều địa điểm ở Nhật Bản. Ở Tokyo nhịp sống tất bật, Osaka náo nhiệt đông người, Kyoto có bề dày lịch sử và nhiều đền chùa rất đẹp. Hokkaido là vùng đất có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ rất giống với Mông Cổ. Shikoku là vùng đất lưu giữ những nét văn hóa và tự nhiên đặc trưng... Càng đi nhiều nơi trên đất nước Nhật Bản tôi càng tưởng tượng rõ nét hơn về tương lai các thành phố, đô thị của Mông Cổ. Tôi mong muốn có thể phát huy những tri thức, kinh nghiệm đã học tập ở Nhật Bản, giải quyết các vấn đề đô thị và cống hiến cho Mông Cổ.

Một ngày của tôi

8:00 Thức dậy, tập Gym, ăn sáng, đến trường
Trong KTX có phòng tập Gym, mỗi tuần 3 lần tôi cố gắng đến để vận động cơ thể.

10:00 Nghiên cứu
Từ KTX tới Campus mất 1 tiếng di chuyển nên trong thời gian này tôi đọc các luận văn, khi đến trường thì bắt đầu tập trung vào nghiên cứu.

14:00 Ăn trưa
Buổi trưa tôi thường ăn cơm ở nhà ăn của trường. Thi thoảng tôi đi ăn các quán cơm ở gần trường. Tôi luôn gọi món có thịt! Sau khi ăn thì tiếp tục nghiên cứu.

17:00 Dạo phố
Tuần một lần tôi sẽ đi dạo phố. Tôi đi dạo những nơi đông đúc nhộn nhịp, vừa ngắm cảnh vừa quan sát thành phố. Thi thoảng tôi cũng nói chuyện, phỏng vấn cư dân ở đây.

19:00 Ăn tối
Trong khi đi dạo phố, nếu thấy cửa hàng ăn nào hợp ý tôi sẽ ăn tối luôn. Sau đó tổng hợp lại ghi chú và những bức ảnh chụp được.

22:00 Về nhà, nghỉ ngơi
Thường thì 21h tôi sẽ kết thúc công việc ở trường, về nhà tôi sẽ đọc sách hoặc xem phim, trò chuyện với bạn bè.

0:00 Đi ngủ
Cả ngày vận động khá nhiều nên tối đến tôi sẽ muốn ngủ, nghỉ ngơi.

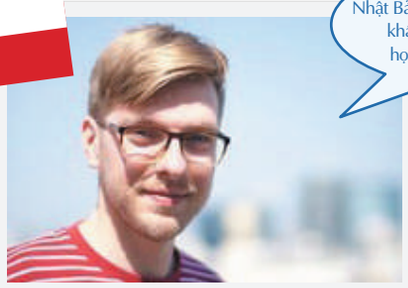

Nhật Bản và Châu Âu có nền văn hóa khác nhau, mỗi ngày tôi đều học được một điều mới mẻ.

Đại học Rikkyo,
Khoa Nghiên cứu kinh doanh quốc tế

Rod Adam (Cộng hòa Séc)

Lý do tôi quyết định du học Nhật Bản đó là bởi tôi rất thích nền văn hóa đa dạng của Nhật Bản từ khi còn học THPT. Đặc biệt, tôi rất thích võ thuật và văn hóa nhạc Pop của Nhật. Hơn nữa, sau lần đầu tiên du lịch đến Nhật, tôi luôn ấp ủ mong muốn được sống tại đây, chính vì vậy tôi quyết định du học và sống tại Nhật Bản. Tất nhiên việc sống ở nước ngoài, thời gian đầu chỉ nhìn thấy những điểm tốt, sau khi trải qua một thời gian mới nhìn nhận được những điểm chưa tốt. Tuy nhiên ở Tokyo là nơi rất dễ sống, tiện lợi, bất cứ lúc nào cũng có thể mua được thứ mình cần, đó là điểm tôi rất thích. Thiên nhiên Nhật Bản, những ngọn núi của Nhật rất đẹp, tôi và vợ thường dành thời gian để đi phượt tới những vùng lân cận Tokyo. Nhật Bản và Châu Âu có nền văn hóa khác biệt nên mỗi ngày tôi đều học được một điều mới mẻ. Nếu bạn hỏi "Nhật Bản là đất nước như thế nào?" , tôi không thể trả lời vì tôi chỉ sống ở Tokyo mà thôi.

Một ngày của tôi

9:00 Đến trường
Đến trường, học hoặc nghiên cứu.

11:00 Học tiếng Nhật
Hầu như mỗi ngày tôi đều học tiếng Nhật. Kanji đối với người nước ngoài rất khó nhớ chính vì thế cần luyện tập mỗi ngày.

13:00 Ăn trưa
Mua các món ăn Nhật tốt cho sức khỏe ở các cửa hàng Bento gần trường.

14:00 Nghiên cứu
Đọc sách chuyên ngành, viết ghi chú, báo cáo.

19:00 Về nhà
Về nhà, nấu cơm

24:00 Thời gian cuối ngày
Đọc sách, đi ngủ

THỦ TỤC NHẬP CẢNH

Tổng Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Bộ Tư pháp http://www.moj.go.jp/isa/index.html

Visa và tư cách lưu trú

Trước khi nhập cảnh vào nước Nhật phải xin cấp Visa. Có nhiều loại Visa và tư cách lưu trú được quyết định dựa vào mục đích đến Nhật hoặc thân phận, địa vị của người nước ngoài.
Tư cách lưu trú để học ở các trường Đại học, Cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), trường dạy nghề, cơ sở giáo dục tiếng Nhật của Nhật là "Du học". Thời gian lưu trú là 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng.

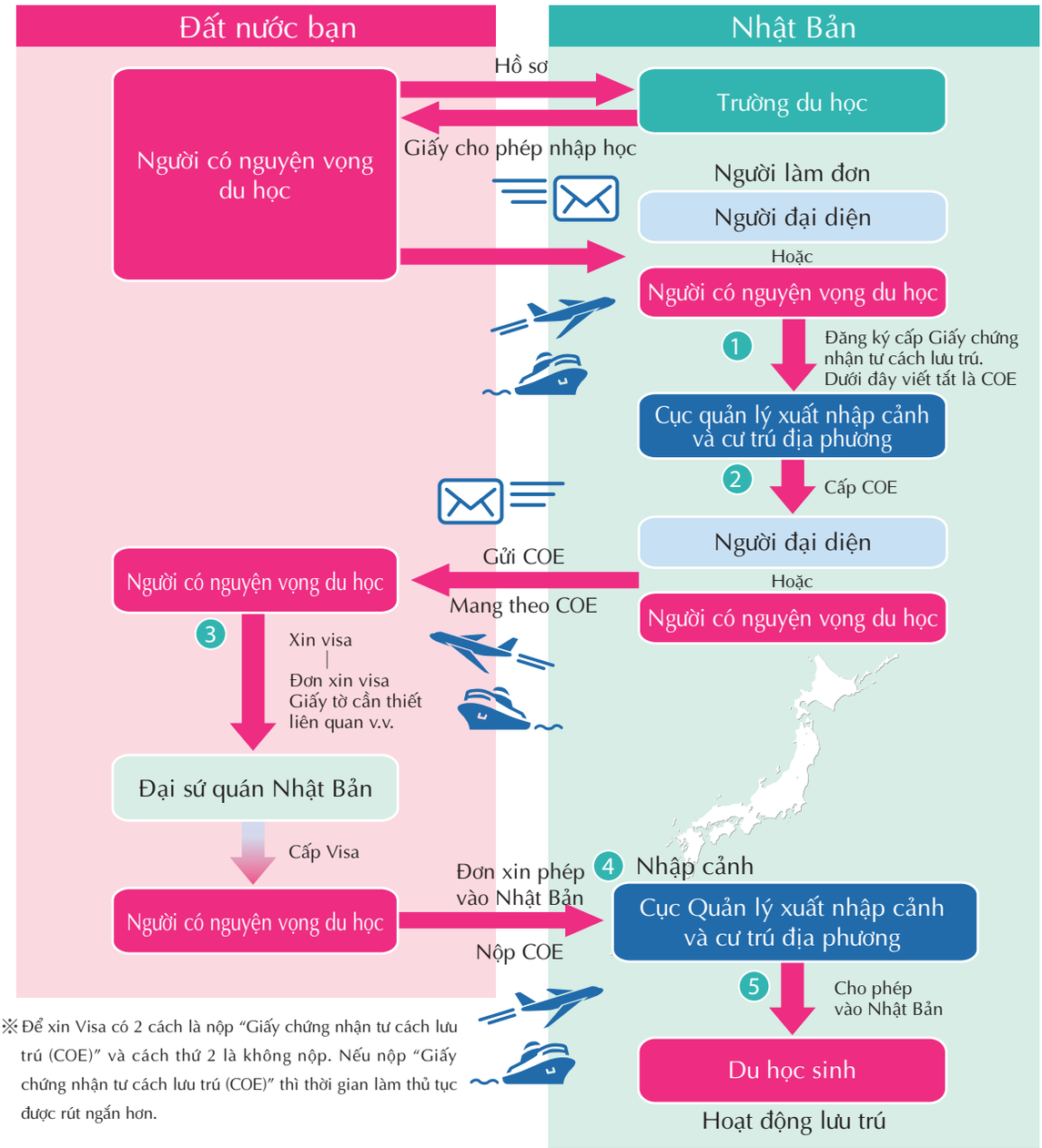

※Để xin Visa có 2 cách là nộp "Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)" và cách thứ 2 là không nộp. Nếu nộp "Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)" thì thời gian làm thủ tục được rút ngắn hơn.

1. Xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)

Người có nguyện vọng du học (người làm đơn) hoặc người đại diện (ví dụ như người thân của người làm đơn hoặc nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh) sẽ làm đơn gửi lên Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong nước Nhật để xin cấp "Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)".

*Phần lớn các cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh sẽ đại diện xin cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú COE.

*Hãy hỏi trường bạn sẽ nhập học để biết rõ về giấy tờ cần thiết.

2. Giấy tờ chứng minh năng lực chi trả kinh phí trong thời gian ở Nhật

Khi xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) hoặc visa, có những trường hợp yêu cầu phải nộp giấy tờ chứng minh bạn đã chuẩn bị đủ kinh phí cho những phát sinh trong thời gian du học tại Nhật.

● ***Thông thường, cần những giấy tờ như:*** Giấy chứng nhận số dư tiền gửi ngân hàng của người chi trả kinh phí (bản thân người có nguyện vọng du học hoặc người bảo lãnh), Giấy chứng nhận thu nhập của các năm trước, Giấy chứng nhận nộp thuế v.v.

3. Giấy tờ cần thiết xin cấp visa

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), bạn sẽ làm thủ tục xin cấp visa tại Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài ở nước bạn.

● ***Giấy tờ cần thiết***

① Hộ chiếu (Passport)
② Đơn xin cấp visa
③ Ảnh
④ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)
⑤ Giấy tờ khác trong trường hợp được yêu cầu xuất trình

4. Nhập cảnh vào Nhật Bản

Khi nhập cảnh cần những giấy tờ sau:

● ***Giấy tờ cần thiết***

① Hộ chiếu (Passport)
② Giấy phép do Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài cấp (Visa)
③ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) (Trường hợp đã được cấp)

5. Thẻ cư trú

Thẻ cư trú (RESIDENCE CARD) được cấp cho người nước ngoài có thời gian lưu trú trên 3 tháng. Bạn luôn phải mang theo Thẻ cư trú bên người.

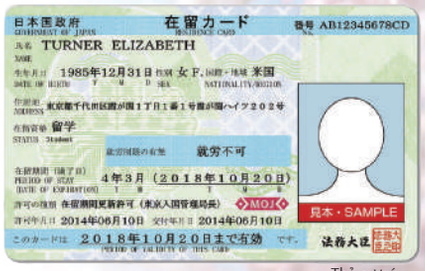

Thẻ cư trú

Cấp Thẻ cư trú

Trường hợp nhập cảnh ở sân bay New Chitose, Narita, Haneda, Chubu, Kansai, Hiroshima, Fukuoka:

Khi làm thủ tục nhập cảnh sẽ được dán nhãn "được phép vào nước Nhật" vào hộ chiếu và được cấp Thẻ cư trú. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức ở Nhật, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang Thẻ cư trú đến trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân của địa phương đó.

Trường hợp nhập cảnh không phải từ các sân bay trên:

Khi nhập cảnh, sẽ được dán nhãn "được phép vào nước Nhật" và được đóng dấu "Thẻ cư trú cấp sau" vào hộ chiếu. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang hộ chiếu đã được đóng dấu "Thẻ cư trú cấp sau" tới trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống. Sau khi trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân, thẻ cư trú sẽ được gửi bằng đường bưu điện cho bạn theo địa chỉ cư trú mà bạn đã đăng ký.

6. My Number (Mã số thuế và bảo hiểm xã hội)

My Number là mã số gồm 12 số được cấp cho tất cả cư dân khi đăng ký sinh sống tại Nhật. Mã số này hoàn toàn khác mã số 12 số ghi trên thẻ cư trú. Khi đăng ký là cư dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, bạn sẽ được gửi "Thẻ thông báo Mã số cá nhân". Thẻ thông báo này không thể thay thế cho chứng minh nhân thân hay hộ chiếu của bạn vì thế sau khi nhận Thẻ thông báo Mã số cá nhân, bạn cần xin đổi sang thẻ My Number.
Thẻ My Number có thể được sử dụng như giấy tờ tùy thân chính thống, chứng minh Mã số cá nhân của bạn. Thẻ My Number có thể xin đổi qua đường bưu điện hoặc Online, qua máy tính hoặc qua điện thoại...
Khi bạn làm các thủ tục với chính quyền địa phương, làm thêm hoặc nhận tiền, chuyển tiền tại ngân hàng từ nước ngoài thì bắt buộc phải có thẻ My Number.

7. Thủ tục sang Nhật dự thi

Trường hợp đến Nhật để dự thi, trước khi sang Nhật, cần mang Phiếu dự thi của trường dự định thi đến Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài để xin cấp visa "Lưu trú ngắn hạn". Thời gian có thể lưu trú là 15 ngày, 30 ngày hoặc 90 ngày. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc đối tượng được miễn visa thì bạn không cần làm thủ tục xin cấp visa.
* Về nguyên tắc, sau khi đỗ bạn vẫn bắt buộc phải về nước tạm thời để xin visa "Du học".

8. Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú

Tư cách lưu trú "Du học" cho phép bạn đến Nhật để học tập chứ không phải làm việc. Tuy nhiên, khi bạn đi làm thủ tục và xin được "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" của Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương thì bạn có thể đi làm thêm. (Tham khảo trang 38)
＊ Người nhập cảnh lần đầu, với tư cách lưu trú "Du học", nếu thời gian lưu trú vượt quá 3 tháng, lúc nhập cảnh, có thể xin "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" khi xin đóng dấu nhập cảnh tại sân bay.
＊ Sau khi đến Nhật muốn xin "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" thì nộp đơn xin tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

9. Thủ tục về nước tạm thời

Du học sinh nếu muốn về nước một thời gian hoặc sang nước khác cần nhận được giấy phép tái nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương v.v. trước khi rời khỏi Nhật Bản.
Tuy nhiên, những người cư trú thời gian dài có hộ chiếu (Passport) và thẻ cư trú còn hiệu lực, khi rời Nhật Bản và có ý định quay trở lại trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất cảnh về nguyên tắc không cần xin phép tái nhập cảnh (thời hạn lưu trú của người đó dưới 1 năm thì được phép tái nhập cảnh theo thời hạn lưu trú).
Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

10. Gia hạn thời gian lưu trú

Nếu quá thời gian lưu trú được quy định khi nhập cảnh, trường hợp muốn tiếp tục ở lại Nhật Bản, phải xin phép gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương (thông thường cần nộp đơn xin gia hạn trước khi hết hạn lưu trú 3 tháng). Nếu quá thời gian lưu trú sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp và sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

! Nếu quên không gia hạn sẽ vi phạm luật lưu trú dẫn đến bị đuổi học hoặc không thể nhận được học bổng nữa.

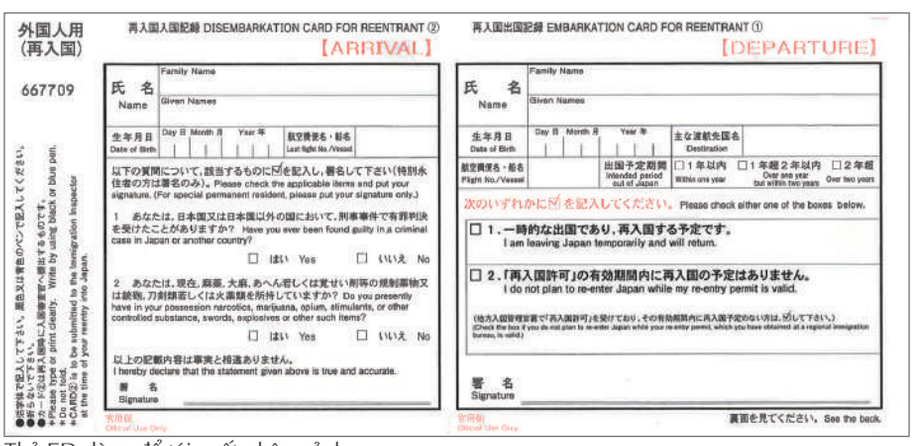
外国人用
(再入国)
667709
再入国入国記録 DISEMBARKATION CARD FOR REENTRANT ②
【ARRIVAL】
再入国出国記録 EMBARKATION CARD FOR REENTRANT ①
【DEPARTURE】
氏名 Name
Family Name
Given Names
生年月日 Date of Birth
Day 日 Month 月 Year 年
航空機便名・船名 Flight No./Vessel
Last flight No./Vessel
主な渡航先国名 Destination
出国予定期間 Intended period out of Japan
□1年以内 Within one year
□1年超2年以内 Over one year but within two years
□2年超 Over two years
以下の質問について，該当するものに☑を記入し，署名して下さい（特別永住者の方は署名のみ）。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)
1 あなたは，日本国又は日本国以外の国において，刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか？ Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?
□ はい Yes □ いいえ No
2 あなたは，現在，麻薬，大麻，あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲，刀剣類若しくは火薬類を所持していますか？ Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?
□ はい Yes □ いいえ No
以上の記載内容は事実と相違ありません。
I hereby declare that the statement given above is true and accurate.
署名 Signature
次のいずれかに☑を記入してください。Please check either one of the boxes below.
□ 1．一時的な出国であり，再入国する予定です。
I am leaving Japan temporarily and will return.
□ 2．「再入国許可」の有効期間内に再入国の予定はありません。
I do not plan to re-enter Japan while my re-entry permit is valid.
(他方入国管理官署で「再入国許可」を受けており，その有効期間内に再入国予定のない方は，☑して下さい。)
(Check the box if you do not plan to re-enter Japan while your re-entry permit, which you have obtained at a regional immigration bureau, is valid.)
裏面を見てください。See the back.

Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh

! Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

11. Thay đổi tư cách lưu trú

Khi dừng hoạt động hiện tại (du học) và muốn tiến hành các hoạt động với tư cách lưu trú khác (ví dụ đi làm,v.v), phải nhận được sự cho phép thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

> ! Nếu tiến hành các công việc phát sinh thu nhập hoặc các hoạt động nhận được tiền công mà không có sự cho phép, sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

12. Tước bỏ tư cách lưu trú

Trường hợp người làm đơn khai báo giả các hoạt động, lý lịch hoặc làm giả giấy tờ v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú.

> ! Mặc dù có tư cách lưu trú "du học" nhưng không tiến hành các hoạt động tương ứng với tư cách lưu trú đó ví dụ như không đi đến trường học v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú trừ trường hợp có lý do chính đáng.

13. Mời người thân sang Nhật

Vợ (chồng) hoặc con cái của "du học sinh có tư cách lưu trú du học và đang học tại trường đại học v.v." có thể lưu trú tại Nhật với tư cách "lưu trú gia đình" tương ứng với thời gian lưu trú của du học sinh đó.
Bản thân du học sinh khi đã quen với cuộc sống bên Nhật và chuẩn bị sẵn sàng bao gồm cả mặt kinh tế hãy mời người thân sang Nhật.

> ! Bạn cần đặc biệt lưu ý nếu người thân của bạn sang Nhật với Visa "lưu trú ngắn hạn (Temporary visitor)" (hay còn gọi là "Visa du lịch") thì khó chuyển đổi sang tư cách lưu trú "lưu trú gia đình (Dependent)".

14. Thông báo/ Nộp đơn lên Tổng Cục quản lý xuất nhập cảnh & cư trú và cơ quan của chính quyền địa phương

Trường hợp thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch hoặc chuyển sang khu vực khác, làm mất, làm bẩn thẻ cư trú hoặc chuyển trường, học lên tiếp, tốt nghiệp, nghỉ học v.v. phải thông báo hoặc nộp đơn lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Ngoài ra, nếu thay đổi nơi ở hoặc về nước do kết thúc du học, cần nộp đơn chuyển đi hoặc chuyển đến cho cơ quan của chính quyền địa phương.

KINH PHÍ CẦN THIẾT KHI DU HỌC

Nếu tính toán chi tiết tổng số tiền cần thiết khi du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng bao gồm cả ngân sách cá nhân thì bạn sẽ có cuộc sống ổn định sau khi du học. Đừng chỉ phụ thuộc vào học bổng và tiền lương làm thêm, hãy thử cùng tính toán những kinh phí du học cần thiết để kiểm tra xem kế hoạch du học có khả thi hay không. (1 USD = 110 JPY)

		Số tiền mục tiêu (Đại học quốc lập hệ 4 năm)		Hãy tính toán số tiền bạn cần!
Kinh phí cần thiết trước khi nộp hồ sơ	Lệ phí thi của các kỳ thi như EJU, JLPT, TOEFL v.v.	36,000 yên *327.3 USD*	Trường hợp dự thi EJU 2 lần (2 môn trở lên) trong nước Nhật	¥
	Phí xét tuyển của trường mà bạn có nguyện vọng du học	17,000 yên *154.5 USD*	Trường hợp nộp hồ sơ vào 1 trường đại học quốc lập	¥
	Phí khám sức khỏe (tùy từng trường)	6,000 yên *54.5 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	¥
	Phí gửi hồ sơ (tùy từng trường)	2,000 yên *18.2 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	¥
Kinh phí để tham dự các kỳ thi đầu vào	Vé máy bay và phí lưu trú	100,000 yên *909 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia và lịch trình lưu trú	¥
	Phí làm Passport (Hộ chiếu)	12,000 yên *109 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	¥
	Phí xin visa	3,000 yên *27.3 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	¥
Kinh phí cần thiết sau khi quyết định nhập học	Vé máy bay	70,000 yên *636.4 USD*	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	¥
	Phí lưu trú (phí trọ khách sạn cho tới khi quyết định được chỗ ở chính thức)	30,000 yên *272.7 USD*	Khác nhau tùy theo lịch trình lưu trú	¥
	Phí nhập học	282,000 yên *2,563.6 USD*	Đại học quốc lập	¥
	Học phí năm đầu tiên	535,800 yên *4,870.9 USD*	Đại học quốc lập	¥
	Chi phí đi lại để đến trường	60,000 yên *545.5 USD*	Tổng số tiền trong 12 tháng dựa theo "Điều tra tình hình sinh hoạt thực tế của du học sinh tư phí nước ngoài năm 2019"	¥
	Tiền ăn	336,000 yên *3,054.5 USD*		¥
	Tiền thuê nhà	420,000 yên *3,818.2 USD*		¥
	Tiền điện và nhiên liệu (điện, ga, nước)	84,000 yên *763.6 USD*		¥
	Bảo hiểm, chi phí y tế	36,000 yên *327.3 USD*		¥
	Sở thích cá nhân, giải trí	72,000 yên *654.5 USD*		¥
	Tiêu vặt	108,000 yên *981.8 USD*		¥
	Tổng cộng	2,209,800 yên *20,089 USD*		¥

CHI PHÍ SINH HOẠT, GIÁ CẢ

1. Tiền tệ và giá cả

Giá cả của các hàng hóa thiết yếu

Gạo (5kg)	2,224 yên	(20.2 USD)
Bánh mì (1kg)	621 yên	(5.6 USD)
Sữa (1,000ml)	216 yên	(2 USD)
Trứng gà (10 quả)	222 yên	(2 USD)
Táo (1kg)	447 yên	(4 USD)
Bắp cải (1kg)	118 yên	(1.1 USD)

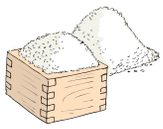

Nước uống có ga (chai 500ml)	108 yên	(1 USD)
Hamburger	180 yên	(1.6 USD)
Xăng (1L)	132 yên	(1.2 USD)
Giấy vệ sinh (2 lớp x 20 cuộn 25m)	643 yên	(5.8 USD)
Vé xem phim	1,833 yên	(16.7 USD)
Taxi (4km)	1,460 yên	(13.3 USD)

Nguồn: "Thông tin tổng hợp Cục thống kê chính phủ"
1 USD = 110 yên

2. Chi phí sinh hoạt

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí) của một du học sinh nước ngoài được liệt kê như biểu đồ dưới đây. Chi phí sinh hoạt ở các thành phố lớn cao hơn so với các tỉnh lẻ.

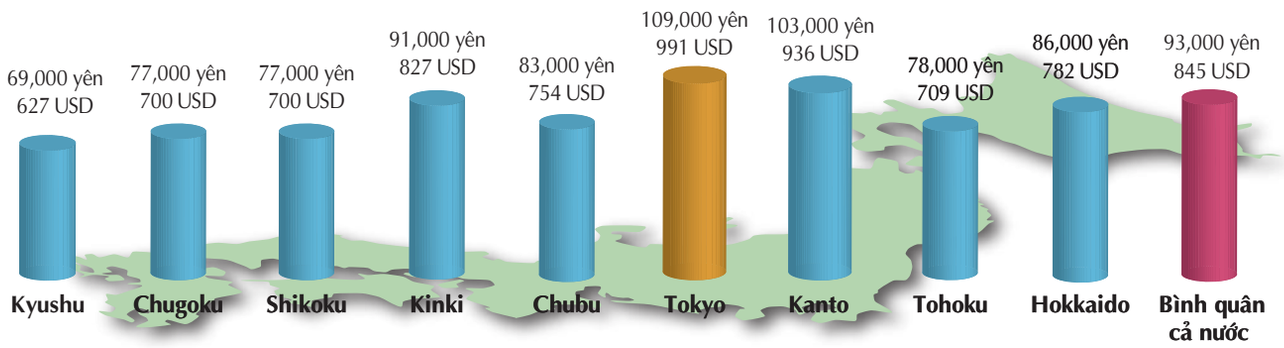

Chi tiết các khoản chi tiêu trong 1 tháng (không bao gồm học phí)
(Bình quân cả nước)

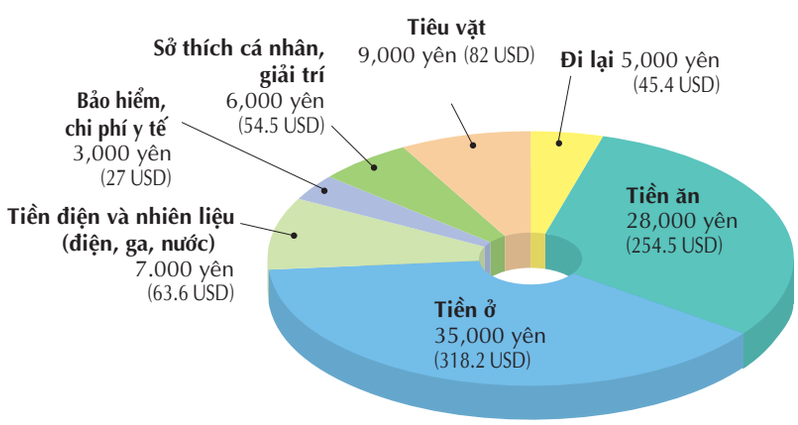

Chi phí nhà ở trung bình phân theo vùng

1 USD = 110 yên

	Yên	USD
Trung bình cả nước	35,000	318
Hokkaido	28,000	254
Tohoku	27,000	245
Kanto	41,000	373
Tokyo	**45,000**	**409**
Chubu	28,000	255
Kinki	35,000	318
Chugoku	25,000	227
Shikoku	25,000	227
Kyushu	24,000	218

Nguồn: Điều tra về tình hình sinh hoạt thực tế của du học sinh tư phí nước ngoài năm 2019 (JASSO)

HỌC PHÍ

Học phí các trường đại học của Nhật không cao so với các nước như Mỹ hay Anh. Tổng số tiền nhập học và học phí trong 1 năm của **trường Đại học quốc lập là khoảng 820,000 JPY (7,455 USD)※, Đại học công lập là 930,000 JPY (8,455 USD) và Đại học tư lập từ 1,000,000 JPY (9,090 USD) đến 1,400,000 JPY (12,727 USD) (trừ ngành Y khoa, Nha khoa và Dược). Ngoài ra, so với các nước khác, chế độ học bổng, chế độ miễn hoặc miễn giảm học phí cũng nhiều hơn.**

Chi phí nộp cho trường năm đầu bao gồm phí nhập học, học phí, tiền trang thiết bị, cơ sở vật chất v.v. Ngoài ra, phí nhập học chỉ cần đóng trong năm đầu.

※Có ngoại lệ đối với 1 số trường Đại học quốc lập.

Học phí trung bình của năm đầu (1 USD=110 JPY)

Sau đại học

Sau đại học		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Tiền học	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※1	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
Quốc lập (Khóa học Thạc sĩ)		282,000	535,800	817,800	7,434.55	1,353,600	12,305.45
Công lập (Khóa học Thạc sĩ)		366,114	537,829	903,943	8,217.66	1,441,772	13,107.02
Tư lập (Khóa học Thạc sĩ)	Nghệ thuật	215,349	999,627	1,214,976	11,045.24	2,214,603	20,132.75
	Kỹ thuật	208,847	886,596	1,095,443	9,958.57	1,982,039	18,018.54
	Sức khỏe	232,634	774,652	1,007,286	9,157.15	1,781,938	16,199.44
	Khoa học tự nhiên	195,685	811,943	1,007,628	9,160.25	1,819,571	16,541.55
	Nông nghiệp, Thú y	219,218	703,999	923,217	8,392.88	1,627,216	14,792.87
	Dược	195,466	793,060	988,526	8,986.60	1,781,586	16,196.24
	Kinh tế gia đình	237,776	619,706	857,482	7,795.29	1,477,188	13,428.98
	Giáo dục	203,992	667,754	871,746	7,924.96	1,539,500	13,995.45
	Khoa học xã hội	202,299	693,264	895,563	8,141,48	1,588,827	14,443.88
	Y học	188,360	651,079	839,439	7,631.26	1,490,518	13,550.16
	Khoa học nhân văn	201,184	572,081	773,265	7,029.68	1,345,346	12,230.42
Quốc lập (Khóa học Tiến sĩ)		282,000	535,800	817,800	7,434.55	1,889,400	17,176.36
Công lập (Khóa học Tiến sĩ)		366,114	537,829	903,943	8,217.66	1,979,601	17,996.37
Tư lập (Khóa học Tiến sĩ)	Nghệ thuật	233,219	883,418	1,116,637	10,151.25	2,883,473	26,213.39
	Kỹ thuật	188,878	714,126	903,004	8,209.13	2,331,256	21,193.24
	Sức khỏe	248,140	707,154	955,294	8,684.49	2,369,602	21,541.84
	Khoa học tự nhiên	201,394	703,247	904,641	8,224.01	2,311,135	21,010.32
	Nông nghiệp, Thú y	217,512	720,571	938,083	8,528.03	2,379,225	21,629.32
	Dược	185,131	675,876	861,007	7,827.34	2,212,759	20,115.99
	Kinh tế gia đình	236,928	623,036	859,964	7,817.85	2,106,036	19,145.78
	Giáo dục	218,080	599,704	817,784	7,434.40	2,017,192	18,338.11
	Khoa học xã hội	200,405	551,917	752,322	6,839.29	1,856,156	16,874.15
	Y học	162,002	497,507	659,509	5,995.54	1,654,523	15,041.12
	Nha khoa	232,075	622,500	854,575	7,768.86	2,099,575	19,087.05
	Khoa học nhân văn	203,376	521,214	724,590	6,587.18	1,767,018	16,063.80

※1 Khóa học Thạc sĩ bao gồm phí nhập học, tiền học 2 năm và phí cơ sở vật chất; Khóa học Tiến sĩ bao gồm phí nhập học, tiền học 3 năm và chi phí cơ sở vật chất.
Ngoài các mục trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu.v.v.

Đại học (Khoa)

Đại học (khoa)		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Tiền học	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※2	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
Quốc lập		282,000	535,800	817,800	7,434.55	2,425,200	22,047.27
Công lập		392,111	536,382	928,493	8,440.85	2,537,639	23,069.45
Tư lập	Y khoa	1,340,552	2,666,458	4,007,010	36,427.36	17,339,300	157,630.00
	Nha khoa	598,303	3,225,206	3,823,509	34,759.17	19,949,539	181,359.45
	Dược	340,717	1,427,951	1,768,668	16,078.80	8,908,423	80,985.66
	Nghệ thuật	245,998	1,119,939	1,365,937	12,417.61	4,725,754	42,961.40
	Sức khỏe	267,041	986,164	1,253,205	11,392.77	4,211,697	38,288.15
	Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật	243,687	1,089,334	1,333,021	12,118.37	4,601,023	41,827.48
	Nông nghiệp, Thú y	247,105	978,488	1,225,593	11,141.75	4,161,057	37,827.79
	Thể dục	249,557	826,872	1,076,429	9,785.72	3,557,045	32,336.77
	Kinh tế gia đình	245,537	815,201	1,060,738	9,643.07	3,506,341	31,875.83
	Văn học, Giáo dục	227,979	801,397	1,029,376	9,357.96	3,433,567	31,214.25
	Phúc lợi xã hội	209,383	753,689	963,072	8,755.20	3,224,139	29,310.35
	Luật, Thương mại, Kinh tế	229,913	791,130	1,021,043	9,282.21	3,394,433	30,858.48
	Thần học, Phật giáo	215,044	735,724	950,768	8,643.35	3,157,940	28,708.55

※2 Y khoa, Nha khoa, Dược hệ Tư lập bao gồm phí nhập học và tiền học 6 năm; các ngành khác bao gồm phí nhập học và tiền học 4 năm.
Ngoài các mục trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu,v.v

Cao đẳng

Cao đẳng		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Tiền học	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※3	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
Công lập		220,514	387,729	608,243	5,529.48	995,972	9,054.29
Tư lập	Nhân văn	233,649	717,312	950,961	8,645.10	1,668,273	15,166.12
	Luật,Thương mại, Kinh tế, Xã hội	229,228	690,857	920,085	8,364.41	1,610,942	14,644.93
	Khoa học tự nhiên, Nông nghiệp	184,118	722,794	906,912	8,244.65	1,629,706	14,815.51
	Kỹ thuật	209,023	834,756	1,043,779	9,488.90	1,878,535	17,077.59
	Giáo dục, Mầm non	244,051	679,144	923,195	8.392.68	1,602,339	14,566.72
	Kinh tế gia đình	242,535	710,928	953,463	8,667,85	1,664,391	15,130.83
	Nghệ thuật	249,043	830,920	1,079,963	9,817.85	1,910,883	17,371.66
	Thể dục	230,000	756,080	986,080	8,964.36	1,742,160	15,837.82
	Khác	229,243	689,735	918,978	8,354.35	1,608,713	14,624.66

※3 Bao gồm phí nhập học và tiền học 2 năm.
Ngoài các mục trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu.v.v

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí ※4	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※5	
	yên	yên	yên	USD	yên	USD
Quốc lập	84,600	234,600	319,200	2,901.82	788,400	7,167.27

※4 KOSEN năm thứ 3 nếu thỏa mãn điều kiện sẽ được nhận "Học bổng hỗ trợ học THPT" (High School Tuition Support Fund)

※5 Bao gồm phí nhập học và học phí 3 năm.

Trường dạy nghề

Trường dạy nghề		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※6	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
Tư lập	Công nghiệp	201,000	616,000	817,000	7,427.27	1,433,000	13,027.27
	Nông nghiệp	169,000	541,000	710,000	6,454.55	1,251,000	11,372.73
	Y tế	267,000	866,000	1,133,000	10,300.00	1,999,000	18,172.73
	Vệ sinh	158,000	616,000	774,000	7,036.36	1,390,000	12,636.36
	Giáo dục, Phúc lợi xã hội	133,000	695,000	828,000	7,527.27	1,523,000	13,845.45
	Thương mại	129,000	715,000	844,000	7,672.73	1,559,000	14,172.73
	May mặc, Kinh tế gia đình	197,000	624,000	821,000	7,463.64	1,445,000	13,136.36
	Văn hóa, Giáo dục	152,000	708,000	860,000	7,818.18	1,568,000	14,254.55

※6 Bao gồm phí nhập học và tiền học 2 năm.
Ngoài các mục trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu.v.v.

※ Học phí và phí nhập học là số tiền trung bình của khoa tương ứng với các chuyên ngành (khai giảng vào ban ngày)

Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Khóa tiếng Nhật dành cho DHS của các trường ĐH, CĐ tư lập (Khóa Bekka)	Học phí v.v	
	yên	USD
Khóa 1 năm	649,843	5,907.66
Khóa 1 năm rưỡi	932,950	8,481.36
Khóa 2 năm	1,136,333	10,330.30

※Phí tài liệu tính riêng

Nguồn: Điều tra của Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật

Trường tiếng Nhật	Học phí v.v	
	yên	USD
Khóa 1 năm	614,800 ~ 1,047,400	5,589 ~ 9,521
Khóa 1 năm rưỡi	879,200 ~ 1,501,100	7,992 ~ 13,646
Khóa 2 năm	1,129,000 ~ 1,820,000	10,263 ~ 16,545

※Phí tài liệu tính riêng

Nguồn: Điều tra của Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật

※ Học phí và tổng kinh phí của các trường đại học Anh, Mỹ

		Học phí 1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※7	
		yên	USD	yên	USD
Mỹ	Sau đại học công lập	1,311,860	11,926	2,623,720	23,852
	Sau đại học tư lập	2,798,620	25,442	5,597,240	50,884
	Đại học công lập hệ 4 năm	2,950,200	26,820	11,800,800	107,280
	Đại học tư lập hệ 4 năm	4,056,800	36,880	16,227,200	147,520

※7 Khóa Sau đại học bao gồm tiền học 2 năm, Khóa Đại học bao gồm tiền học 4 năm
Nguồn: Hướng dẫn du học Mỹ 2021 (Công ty Keibun)

		Học phí 1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※8	
		yên	Pound	yên	Pound
Anh	Sau đại học khối nghệ thuật, nhân văn	1,950,000 ~ 3,000,000	13,000 ~ 20,000	3,900,000 ~ 6,000,000	26,000 ~ 40,000
	Sau đại học khối tự nhiên	2,100,000 ~ 3,300,000	14,000 ~ 22,000	4,200,000 ~ 6,600,000	28,000 ~ 44,000
	Đại học khối xã hội	1,800,000 ~ 3,000,000	12,000 ~ 20,000	5,400,000 ~ 9,000,000	36,000 ~ 60,000
	Đại học khối tự nhiên	2,250,000 ~ 3,600,000	15,000 ~ 24,000	6,750,000 ~10,800,000	45,000 ~ 72,000

※8 Khóa Sau đại học bao gồm tiền học 2 năm, Khóa Đại học bao gồm tiền học 3 năm
Nguồn: Hướng dẫn du học Anh 2020-2021 (Eiken Foundation of Japan) (Pháp nhân lợi ích công)

1 Pound = 150 JPY

HỌC BỔNG

Có ít học bổng chi trả toàn bộ chi phí cần thiết khi du học, phần nhiều học bổng chỉ chi trả một phần chi phí sinh hoạt hoặc học phí. Do đó, hãy tính toán cụ thể toàn bộ các khoản kinh phí cần thiết cho du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng, bao gồm cả ngân sách cá nhân, đừng chỉ dựa vào học bổng.

Hỗ trợ về kinh tế

① Học bổng
② Chế độ miễn giảm học phí (Miễn giảm 30%, 50%, 100% v.v.)

Phương pháp ứng tuyển

① <Ứng tuyển trước khi sang Nhật> Ứng tuyển ngoài nước Nhật trước khi sang Nhật (ít)
② <Ứng tuyển sau khi sang Nhật> Ứng tuyển tại nước Nhật sau khi đến Nhật nhập học (nhiều)

Số lượng các tổ chức cấp học bổng theo trình độ đối tượng tương ứng

	Đối tượng	Ứng tuyển trước khi sang Nhật		Ứng tuyển sau khi sang Nhật
		Chính phủ Nhật Bản	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân
1	Sinh viên Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	○	2	21
2	Sinh viên khóa chuyên môn trường dạy nghề	○	4	17
3	Sinh viên khóa Bekka của các trường Đại học, Cao đẳng	○	1	4
4	Sinh viên của cơ sở giáo dục tiếng Nhật ngoài mục 3 ở trên		3	8
5	Sinh viên cao đẳng		5	31
6	Sinh viên dự thính ở trường Đại học		0	2
7	Sinh viên Đại học	○, Học tập về tiếng Nhật và văn hóa Nhật	13	97
8	Nghiên cứu sinh Sau đại học	○, Đào tạo giáo viên	4	17
9	Thạc sĩ	○, YLP	17	119
10	Tiến sĩ	○	13	106
11	Sinh viên khóa chuyên môn (nghề)	○	1	8

Nguồn: Quyển "Tổng hợp học bổng 2021 – 2022" của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

! Có nhiều loại học bổng cho sinh viên chính quy của trường Đại học và Sau đại học.

Hãy xác nhận điều kiện ứng tuyển!

① Tuổi tác ② Quốc gia, khu vực xuất thân ③Trường đang theo học tại Nhật ④ Có yêu cầu về lĩnh vực chuyên môn v.v.

! Một số loại học bổng dành cho Du học sinh khi đăng ký yêu cầu phải có tư cách lưu trú là "Du học"

Kỳ thi tuyển chọn

Hầu hết sẽ đánh giá hồ sơ, nhưng cũng có trường hợp phỏng vấn hoặc tổ chức kỳ thi viết đánh giá năng lực ngôn ngữ hoặc những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn.

Phương pháp nộp hồ sơ

Hầu hết đều nộp hồ sơ thông qua trường đang theo học.
(Cụ thể hãy xác nhận với người phụ trách du học sinh của trường)

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng		Liên hệ
		JPY	USD	
Học bổng Chính phủ (Học bổng Monbukagakusho)※1	Du học sinh chương trình Lãnh đạo trẻ (YLP)	242,000	2,200	Cơ quan ngoại giao của Nhật ở các nước, trường hiện đang theo học※2
	Du học sinh nghiên cứu (Không chính quy)	143,000	1,300	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Thạc sĩ)	144,000	1,309	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Tiến sĩ)	145,000	1,318	
	Du học sinh ngành giáo dục	143,000	1,300	
	Du học sinh trường Đại học (khoa)/ Du học sinh Trường kỹ thuật chuyên nghiệp/ Du học sinh Trường dạy nghề/ Du học sinh tiếng Nhật, nghiên cứu văn hóa Nhật	117,000	1,063	
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chế độ đăng ký trước trong Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Đây là học bổng dành cho du học sinh tư phí nước ngoài đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) và nhập học với tư cách sinh viên chính quy vào các trường Đại học (khoa), Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở lên) hoặc Khóa chuyên ngành trường dạy nghề của Nhật Bản.	48,000	436	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản JASSO※3
Học bổng của Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	17 cơ quan	60,000 ~ 200,000	545 ~ 1,818	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân v.v.※4
Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn, giảm học phí	—	—	—	Trường dự định sẽ vào học

※1 Số tiền học bổng tăng thêm tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu
※2 Ở một số nước, cơ quan chính phủ của quốc gia đó trở thành đầu mối Học bổng chính phủ Nhật Bản.
※3 https://www.jasso.go.jp/ryugaku/scholarship_j/shoreihi/yoyaku_tonichimae.html
※4 Hãy xác nhận với các tổ chức/đơn vị cấp học bổng trước khi sang Nhật có kết quả hay không

1 USD = 110 yên

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật (Học bổng theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học v.v.)

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng hỗ trợ du học sinh nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)	Du học sinh nước ngoài có thời gian du học từ 8 ngày tới 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.	80.000	727	Trường đang theo học

Học bổng ứng tuyển sau khi đến Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan cấp học bổng	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng khuyến học dành cho Du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận Du học sinh)	Sau đại học (Khóa học Thạc sĩ, Khóa học Tiến sĩ)/ Nghiên cứu sinh (Sau đại học)/ Đại học (Khoa)/ Cao đẳng/ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (năm 3 trở lên)/ Khóa chuyên môn trường dạy nghề/ Khóa tiếng Nhật Bekka dành cho du học sinh/ Khoa chuyên ngành/ Khóa đào tạo dự bị	48,000	436	Trường đang theo học tại nước Nhật
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật	30,000	272	
Học bổng của Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	125 cơ quan	9,000 ~ 300,000	82 ~ 2,727	Trường đang theo học tại nước Nhật hoặc tổ chức cấp học bổng.
Học bổng của trường, chế độ miễn, giảm học phí	-	—	—	Trường đang theo học tại nước Nhật

Hãy tìm học bổng và chế độ miễn giảm học phí!

"Quyển học bổng du học Nhật Bản" (Bản tiếng Nhật, tiếng Anh)
Tác giả: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/by-style/pamphlet/

Có thể tra cứu thông tin học bổng từ các trang Web sau:

Tìm kiếm các trường Đại học có chế độ học bổng, miễn giảm học phí (JASSO)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/about-scholarship/

Tra cứu thông tin học bổng (JAPAN STUDY SUPPORT)
https://www.jpss.jp/ja/scholarship/

Có một số học bổng chưa được tổng hợp trong quyển này, chi tiết về học bổng hãy hỏi Trường của bạn.

LÀM THÊM

Khoảng **76%** du học sinh tư phí đi làm thêm, khoản tiền trung bình nhận được 1 tháng là **59,000 JPY (536 USD)**. Không thể chi trả toàn bộ học phí và sinh hoạt phí chỉ bằng tiền làm thêm. Vì vậy hãy lập kế hoạch tài chính để không phụ thuộc vào việc làm thêm.

Khi làm thêm phải tuân thủ các điều kiện dưới đây. Nếu không tuân thủ sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

1. Nhận "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương gần nhất v.v. Những người có tư cách lưu trú "Du học" thời hạn trên 3 tháng khi nhập cảnh lần đầu tiên vào Nhật Bản có thể nộp đơn xin cấp giấy phép làm thêm tại sân bay v.v. khi nhập cảnh.
2. Không làm ảnh hưởng tới việc học.
3. Làm thêm với mục đích bổ sung thêm chi phí cần thiết cho việc học và sinh hoạt tại Nhật Bản, không với mục đích tiết kiệm hoặc kiếm tiền gửi về nước.
4. Không làm công việc kinh doanh giải trí dành cho người lớn. ※ Những việc bị pháp luật cấm.
5. **Số giờ làm thêm không quá 28 tiếng trong 1 tuần (trong thời gian nghỉ lễ dài có thể làm 8 tiếng 1 ngày).**
6. Làm thêm trong thời gian đang theo học tại các cơ sở giáo dục.

Điểm quan trọng khi quyết định công việc làm thêm!

Không nằm ngoài mục đích du học, không làm quá sức ảnh hưởng tới sức khỏe!

◎ **Có ảnh hưởng đến kết quả học tập không?**
Có ảnh hưởng tới ngày hôm sau do làm thêm đến tối muộn hoặc làm thêm trong thời gian dài không?

◎ **Tiền công, cách trả tiền công**
Trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản ngân hàng, trả tiền công theo ngày, theo tuần hay theo tháng?

◎ **Nội dung công việc có an toàn không?**
Có phải công việc nguy hiểm không, có bảo hộ trong quá trình làm việc không?
Hãy hỏi trường đang theo học về việc giới thiệu việc làm thêm.

Lời khuyên

Hàng năm đều có du học sinh do làm thêm mà lơ là việc học, không đủ điểm chuyên cần dẫn đến không xin gia hạn được visa và phải về nước. Mọi người hãy hết sức lưu ý điều này.

<Loại công việc nhiều du học sinh làm thêm (Câu hỏi có nhiều câu trả lời)>

	Loại công việc	Tỉ lệ
1	Ẩm thực, dịch vụ ăn uống	40.2%
2	Kinh doanh, bán hàng	33.0%
3	Biên phiên dịch	6.3%
4	Trợ giảng, trợ giúp nghiên cứu	5.6%
5	Gia sư/ Giáo viên ngôn ngữ	5.1%
6	Lễ tân khách sạn, bồi bàn	4.8%
7	Công việc văn phòng	4.5%
8	Dọn dẹp	3.5%

Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của Du học sinh tư phí người nước ngoài năm 2019" (JASSO)

Tiền lương theo giờ

Tiền lương theo giờ	Tỉ lệ
Dưới 800 JPY	2.0%
800 ～ dưới 1,000	36.6%
1,000 ～ dưới 1,200 JPY	45.2%
1,200 ～ dưới 1,400 JPY	11.1%
Từ 1,400 JPY trở lên	5.1%
Không rõ	_

Cảnh giác trước những công ty du học lừa đảo khẳng định "có thể kiếm tiền trong thời gian du học ở Nhật"

Những năm gần đây, một số công ty tư vấn du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật nên mọi người hãy hết sức cẩn thận.

"Tiền công 1 giờ làm thêm là 3,000 JPY (27 USD)". → ✕ **Tiền công theo giờ thông thường là 900 JPY (8 USD)**

"Mặc dù đi học nhưng 1 tháng đi làm thêm vẫn kiếm được 200,000 ~ 300,000 JPY, có thể trả tiền học phí và sinh hoạt phí, ngoài ra còn có thể gửi tiền về nước". → ✕ **Không thể (Trung bình khoảng 57,000 JPY (518 USD)**

※ 1USD = 110 yên

NHÀ Ở

Tuy chính quyền địa phương và trường học cũng có ký túc xá dành cho sinh viên nhưng khoảng **75%** du học sinh sẽ thuê trọ nhà dân hoặc ở các căn hộ cho thuê. Sau khi nhận được giấy báo nhập học hãy lập tức thu thập thông tin về nhà ở. Cách thu thập thông tin như sau: ① Bộ phận phụ trách Du học sinh của trường ② Internet, báo chí ③ Các công ty bất động sản v.v. ở nơi mình muốn sống.

Ký túc xá

Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí so với căn hộ cho thuê (Không mất tiền cọc, tiền lễ, tiền gia hạn)
- Không cần tự mình mua thêm các thiết bị điện gia dụng v.v.

Nhược điểm

- Số lượng phòng có hạn nên không phải ai muốn cũng có thể ở ký túc xá
- Có quy định về giờ đóng cửa hoặc giờ thức giấc
- Dùng chung nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm

Căn hộ cho thuê

Ưu điểm

- Có thể sinh hoạt theo cách mình thích
- Nhận thức được giá trị của đồng tiền

Nhược điểm

- Phải trả trước tiền đặt cọc (vài tháng tiền nhà, cũng có nhiều nơi gọi là tiền bảo đảm), tiền lễ, chi phí giới thiệu v.v.
- Thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà phức tạp
- Phải tự mua sắm đồ nội thất, thiết bị điện gia dụng.

Lời khuyên

Tiền nhà hàng tháng

Ký túc xá: 28,000 JPY
(Trong trường hợp là Trung tâm đào tạo tiếng Nhật Tokyo của JASSO)

Căn hộ cho thuê: Tiền thuê chênh nhau khá lớn phụ thuộc vào sự thuận tiện của nhà ga, khoảng cách từ các nhà ga và số năm xây dựng của căn hộ v.v. Ở các khu vực tỉnh lẻ có thể tìm được căn hộ với giá từ **30,000 ~ 40,000 JPY**, nhưng ở Tokyo giá nằm trong khoảng **60,000 JPY**.

Vứt rác

Ở Nhật quy định về vứt rác rất nghiêm ngặt, nếu không tuân thủ sẽ gặp rắc rối với hàng xóm. Hãy phân loại rác và vứt vào địa điểm, thời gian quy định.

Người bảo lãnh liên đới là gì?

Ở Nhật, thông thường khi thuê nhà cần có "người bảo lãnh liên đới".
Nếu bạn không trả tiền nhà đúng hạn, làm hỏng các thiết bị trong phòng nhưng không đền tiền sửa chữa v.v. chủ nhà sẽ yêu cầu "người bảo lãnh liên đới" trả. Vì du học sinh có ít người quen bên Nhật nên có chế độ chấp nhận người bảo lãnh liên đới là những người làm trong trường học (cơ quan, giảng viên, nhân viên). Ngoài ra, cũng có trường hợp không cần "người bảo lãnh liên đới" tùy thuộc vào hợp đồng trả "phí bảo lãnh".

*** Đền bù thiệt hại về nhà ở cho Du học sinh**

Là chế độ được quản lý bởi Hiệp hội hỗ trợ Giáo dục Quốc tế Nhật Bản - Pháp nhân tổ chức lợi ích công, nhằm chuẩn bị ứng phó cho trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn mà không làm phiền tới người bảo lãnh khi Du học sinh vào ở. Hãy hỏi trường nơi bạn dự định nhập học hoặc trường bạn đang theo học xem có thể sử dụng chế độ này hay không.

Điểm quan trọng khi tìm nhà

① Tiền nhà, chi phí ban đầu?
② Khoảng cách và thời gian từ nhà tới trường?
③ Diện tích phòng, các trang thiết bị?
④ Sự tiện lợi của môi trường xung quanh (gần nhà ga, mua sắm dễ dàng không v.v.)?

BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THIỆT HẠI, BẢO HIỂM KYOSAI

Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân)

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng về chi phí y tế.
Người nước ngoài lưu trú ở Nhật trên 3 tháng phải tham gia "Bảo hiểm sức khỏe quốc dân".
* Du học sinh lưu trú dưới 3 tháng hãy hỏi trường mình định theo học.

■ Để tham gia bảo hiểm

Tiến hành thủ tục sau khi đăng ký công dân tại cơ quan chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

■ Phí bảo hiểm

Thông thường khoảng 20,000 JPY/năm. Tuy nhiên, tùy theo từng khu vực cũng như thu nhập của bạn mức phí sẽ khác nhau. Đối với sinh viên, cũng có những khu vực có chế độ giảm hoặc hỗ trợ phí bảo hiểm, bạn nên hỏi thật kỹ.

■ Nội dung bảo hiểm

Khi bị thương hoặc ốm đau, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm nhà nước sẽ chi trả 70% tổng chi phí điều trị và 30% chi phí còn lại sẽ do cá nhân tự trả. Tuy nhiên, các chi phí y tế ngoài phạm vi áp dụng của bảo hiểm sẽ do cá nhân chi trả toàn bộ.
Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, nếu phí điều trị 1 tháng cao vượt quá phần cá nhân chi trả thì sẽ được coi là chi phí y tế ở mức cao, và được hoàn trả lại sau đó. Ngoài ra, khi nhập viện, có thể chỉ cần trả số tiền trong phạm vi giới hạn tối đa tại bệnh viện nếu trước đó bạn làm đơn và xin được "Giấy xác nhận số tiền thanh toán tối đa".

Bảo hiểm thiệt hại /Bảo hiểm KYOSAI (BH tương hỗ toàn diện của Hiệp hội Sinh viên)

Du học sinh có thể tham gia Bảo hiểm thương tật và Bảo hiểm bồi thường cá nhân – hình thức bảo hiểm bồi thường thiệt hại liên quan tới tai nạn v.v. mà Bảo hiểm sức khỏe quốc dân không áp dụng.
Ví dụ, Du học sinh được bồi thường trong những trường hợp dưới đây:

- Phải dán lại tường do dầu mỡ khi rán bắn lên hoặc nhà bếp bị ám đen.
- Đi xe đạp va chạm với người đi bộ gây thương tích phải chi trả phí điều trị cho người bị hại
- Bị mất trộm máy tính, máy ảnh để trong phòng khi vắng nhà

Hãy thử thảo luận với nhà trường vì có rất nhiều hướng dẫn về các loại bảo hiểm.

"Bảo hiểm tai nạn, thương tật, thiên tai trong khi nghiên cứu, học tập dành cho sinh viên" (Gakkensai)
Là chế độ bảo hiểm của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản - Pháp nhân tổ chức lợi ích công, mà có đến 96% các trường Đại học đang tham gia. Bên cạnh đó cũng có chế độ "Inbound incidental academic total" (Inbound Futai Gakuso) bồi thường đầy đủ thiệt hại.
※Có những trường không thể sử dụng bảo hiểm này vì vậy hãy thử xác nhận với trường.
http://www.jees.or.jp/gakkensai/

" Bảo hiểm tương hỗ toàn diện của Hiệp hội sinh viên" (Bảo hiểm KYOSAI)
Có chế độ bảo hiểm tương hỗ toàn diện dành cho Sinh viên của Hiệp hội Sinh viên mà khi đang đi học có thể tham gia.
https://kyosai.univcoop.or.jp/english/

THỰC TẬP (INTERNSHIP)

Là chế độ cho sinh viên trải nghiệm công việc liên quan tới chuyên ngành, nghề nghiệp tương lai tại các doanh nghiệp v.v. khi còn đang theo học. Cũng có những trường coi đây là một môn học trong khóa đào tạo nhận được tín chỉ. Du học sinh cần xác nhận trực tiếp với trường xem có chế độ thực tập không và có công nhận tín chỉ không. Trường hợp nhận được lương khi thực tập, cần phải có "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" nên hãy hết sức lưu ý. Nếu muốn thực tập trên 28 tiếng 1 tuần cần làm đơn xin "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" tại Cục xuất nhập cảnh và cư trú địa phương v.v. dựa trên các tài liệu ghi rõ về nội dung thực tập.

Khác nhau giữa làm thêm và thực tập

Làm thêm: là hoạt động lao động nhận được tiền công bằng việc cung cấp sức lao động.

Thực tập: là hoạt động trải nghiệm làm việc để nhận được cơ hội việc làm và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp sau này v.v. Có nhiều trường hợp làm không có thù lao.

Cách tìm kiếm công việc thực tập

① **Bộ phận phụ trách hoạt động tìm việc ở trường Đại học chẳng hạn.v.v.**
Hãy thường xuyên xem bảng thông tin v.v. ở trường.

② **Trang hỗ trợ tìm việc**
Tuyển nhiều người thực tập bất kể loại hình và nội dung công việc.

③ **Công ty tư vấn thực tập**
Vì họ nắm rõ các doanh nghiệp tiếp nhận nên ít khi xảy ra việc không phù hợp giữa sinh viên và doanh nghiệp.

Tư cách lưu trú của sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nhưng thực tập ở Nhật

Sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nếu muốn nhập cảnh vào Nhật Bản để trải nghiệm làm việc theo hợp đồng hoặc cam kết với các doanh nghiệp Nhật như một phần của khóa đào tạo lấy tín chỉ của trường Đại học đó, sẽ có một trong các tư cách lưu trú như "hoạt động đặc biệt", "hoạt động văn hóa" hoặc "lưu trú ngắn hạn" tùy vào thời gian lưu trú cũng như việc sinh viên có nhận lương thực tập hay không.

METI Japan Internship Program

(Đối tượng là Sinh viên các trường Đại học nước ngoài, những người đã tốt nghiệp)
Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đang thực hiện dự án thúc đẩy thực tập tại các Công ty tầm trung, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản dành cho đối tượng Học sinh Sinh viên người nước ngoài.
Liên hệ: Technical Cooperation Division, Trade and Economic Cooperation Bureau, METI
TEL: (+81)3-3501-1937

Trung tâm dịch vụ việc làm nước ngoài của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (Tokyo, Nagoya, Osaka) cung cấp thông tin tuyển dụng, giới thiệu và tư vấn nghề nghiệp, tiếp nhận thực tập.
Liên hệ:
Tokyo: https://jsite.mhlw.go.jp/tokyo-foreigner/
Nagoya: https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/
Osaka: https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/

LÀM VIỆC TẠI NHẬT BẢN

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp ở Nhật "muốn giữ chân nhân tài ưu tú bất kể quốc tịch", "cần nhân sự thông thạo ngoại ngữ và am hiểu tình hình nước ngoài", "muốn chủ động tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ đa dạng", chính vì vậy việc tuyển dụng du học sinh người nước ngoài cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, tìm việc ở Nhật Bản đối với du học sinh không hề đơn giản. Dưới đây là trang web của JASSO có mục trao đổi kinh nghiệm tìm việc và đăng tải thông tin các sự kiện liên quan tới tìm việc, hãy nhanh chóng tiến hành các hoạt động tìm việc dựa trên những thông tin tham khảo đó.

Để hỗ trợ Du học sinh trong hoạt động tìm việc tại các doanh nghiệp Nhật Bản, Chính phủ Nhật Bản đã thiết lập **"Cổng thông tin xúc tiến hoạt động nhân sự nước ngoài cao cấp Open for Professionals"** tại JETRO (Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản). Cổng thông tin cung cấp các thông tin sau:

- **Thông tin các sự kiện như Hội chợ việc làm Job Fair và Chương trình Thực tập Internship do cơ quan chính quyền tổ chức (Có thể đăng ký tham dự)**
- **Ví dụ thực tế về các doanh nghiệp có nhiều Cựu Du học sinh đạt được thành công sau khi vào làm việc.**
- **Thông tin chính sách hỗ trợ như Chế độ bảo hiểm công ích và tư cách lưu trú tại Nhật Bản.**
- Cổng thông tin tư vấn về lao động, việc làm.
- **Thông tin và đầu mối liên hệ của các Doanh nghiệp Nhật Bản quan tâm đến việc tuyển dụng nhân sự nước ngoài.**

Những người có quan tâm đến hoạt động tìm việc tại Nhật hãy thử truy cập và tìm hiểu thông tin tại đây:

Hướng dẫn tìm việc cho Du học sinh (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/job/

Japan Alumni eNews (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/enews/

Cổng thông tin xúc tiến hoạt động nhân sự nước ngoài cao cấp: "Open for Professionals"
https://www.jetro.go.jp/hrportal

Tình hình tuyển dụng du học sinh tại Nhật Bản

Số người được cho phép chuyển đổi từ tư cách lưu trú "Du học" sang lao động

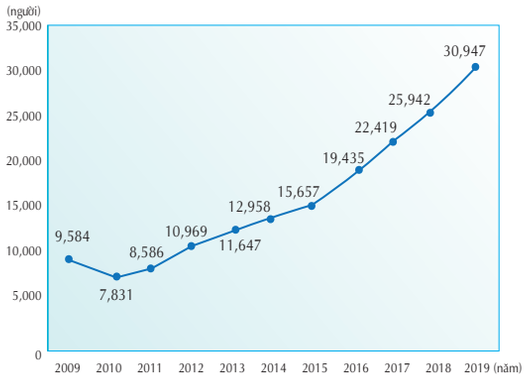

Tỷ lệ cơ cấu chia thành ngành nghề (10 ngành đứng đầu)

1	Biên, phiên dịch	23.2%
2	Nghiệp vụ với nước ngoài	11.4%
3	Bán hàng kinh doanh	10.8%
4	Xử lý thông tin / Công nghệ truyền thông	7.0%
5	Phát triển kỹ thuật (trừ lĩnh vực Xử lý thông tin)	4.4%
6	Tổ chức sự kiện (Quảng cáo, truyền thông)	3.7%
7	Kiến trúc / Xây dựng / Kỹ thuật đo đạc	3.6%
8	Kế toán	3.1%
9	Giáo dục	2.4%
10	Điều tra nghiên cứu	2.4%

Lương khởi điểm (lương tháng)

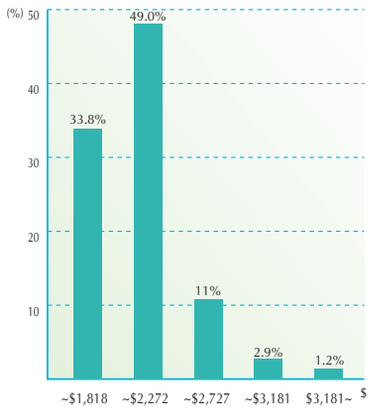

Nguồn: "Tình hình lao động việc làm của các Du học sinh ở các doanh nghiệp Nhật Bản năm 2019" (Tổng Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú, Bộ Tư pháp)

Chuyển đổi tư cách lưu trú

Du học sinh tìm việc tại Nhật Bản cần phải thay đổi tư cách lưu trú "Du học" sang tư cách lưu trú có thể làm việc như "Kỹ thuật, Kiến thức nhân văn, Nghiệp vụ Quốc tế".
Những điểm cần lưu ý liên quan đến tư cách lưu trú "Kỹ thuật - Kiến thức nhân văn - Nghiệp vụ Quốc tế" xem ở bảng bên phải.

Trường hợp không tìm được việc

Cho dù không tìm được việc cho tới khi tốt nghiệp đại học ※1 hoặc trường dạy nghề ※2 cũng có thể tiếp tục hoạt động tìm việc sau khi tốt nghiệp nếu tiến hành chuyển đổi tư cách lưu trú từ "Du học" sang "Hoạt động đặc biệt".
Thời gian lưu trú trong trường hợp này là 6 tháng và về nguyên tắc được chuyển đổi 1 lần. ※3※4

① Trình độ học vấn	Tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) của Nhật Bản hoặc ngoài Nhật Bản. Những người đã tốt nghiệp trường dạy nghề của Nhật Bản và nhận được "Chứng chỉ chuyên môn".
② Nội dung công việc sẽ làm	Ngoài việc phải có năng lực học vấn đạt trình độ tiêu chuẩn nhất định của yêu cầu công việc, đối với người có chứng chỉ "chuyên môn nghề" thì nội dung công việc có liên quan tới chuyên ngành hay không rất được coi trọng.
③ Thù lao	Bảo đảm thù lao bằng hoặc cao hơn người Nhật
④ Tình hình thực tế của doanh nghiệp	Nền tảng kinh doanh, thành tích kinh doanh của doanh nghiệp vẫn ổn định v.v.

※1 Bao gồm Cao đẳng và Sau đại học. Tuy nhiên, không bao gồm Sinh viên Bekka, sinh viên dự thính, sinh viên tự do lựa chọn môn học và Nghiên cứu sinh.
※2 Chỉ dành cho những người nhận được chứng chỉ chuyên môn.
※3 Cần có sự tiến cử của trường.
※4 Có thể tiếp tục hoạt động tìm việc ở năm thứ 2 sau khi tốt nghiệp nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định.
Chi tiết điều kiện cụ thể hãy hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh & cư trú của địa phương.

THỐNG KÊ

Số lượng Du học sinh người nước ngoài ở Nhật

Tính tới ngày 1 tháng 5 năm 2020

Sự thay đổi số lượng du học sinh nước ngoài qua các năm

Số lượng du học sinh tại thời điểm ngày 1 tháng 5 hàng năm

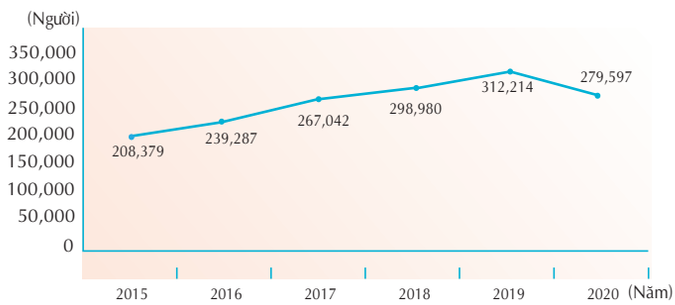

Tỷ lệ du học sinh nước ngoài phân theo chuyên ngành (Cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông)

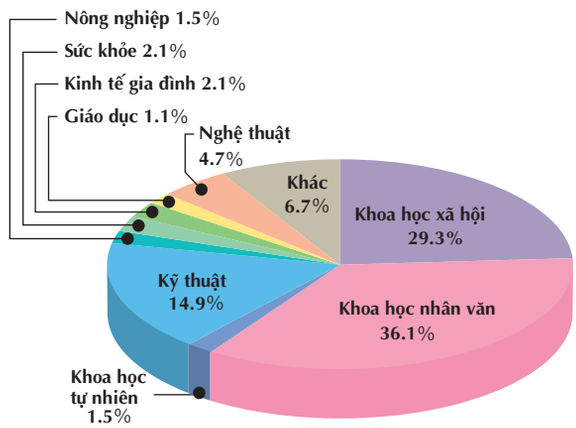

Số lượng Du học sinh nước ngoài phân theo các bậc đào tạo

(Người)

		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Các bậc đào tạo	Sau đại học	32,800	2,329	17,927	53,056
	Đại học (Khoa)	10,591	1,611	67,624	79,826
	Cao đẳng	0	1	2,827	2,828
	Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	421	0	2	423
	Trường dạy nghề	0	27	79,571	79,598
	Khóa đào tạo dự bị	125		2,927	3,052
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		30	60,784	60,814
Tổng cộng		43,937	3,998	231,662	279,597

Số lượng các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông

(Trường)

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Sau đại học	86	84	473	643
Đại học (Khoa)	86	94	615	795
Cao đẳng	0	17	306	323
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	51	3	3	57
Trường dạy nghề	9	184	2,586	2,779

※ Trường đại học tư lập bao gồm cả Đại học Mở Nhật Bản (The Open University of Japan)
Nguồn: Điều tra cơ bản về các trường năm 2020
(Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

Số lượng Du học sinh phân theo quốc gia (khu vực)

(Người)

	Quốc gia (khu vực)	Số người
1	Trung Quốc	121,845
2	Việt Nam	62,233
3	Nepal	24,002
4	Hàn Quốc	15,785
5	Đài Loan	7,088
6	Indonesia	6,199
7	Sri Lanka	5,238
8	Myanmar	4,211
9	Bangladesh	3,098
10	Mông Cổ	3,075

Nguồn: Điều tra về tình hình Du học sinh người nước ngoài năm 2020 (JASSO)

HỎI ĐÁP VỀ DU HỌC NHẬT BẢN

Q Có thể nộp hồ sơ dự thi đầu vào dành cho người nước ngoài trong các trường hợp sau đây không?
① Học một vài năm ở trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tại Nhật.
② Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông tại Nhật.
③ Mang 2 quốc tịch là quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch khác.

A Trường bạn đăng ký sẽ thẩm định, đánh giá hồ sơ của bạn. Trước khi nộp hồ sơ, hãy liên lạc với trường và xác nhận xem mình có đủ điều kiện nộp hồ sơ hay không. Tùy từng trường, có khả năng bạn phải tham dự kỳ thi đầu vào với chế độ giống hệt sinh viên Nhật Bản.

Q Tôi bị khuyết tật. Tôi có được Nhà trường hỗ trợ khi thi đầu vào và sau khi học tiếp lên cao không?

A Những học sinh khuyết tật sẽ nhận được sự hỗ trợ từ trường học tại Nhật. Trường hợp mong muốn nhận được sự giúp đỡ khi dự thi hoặc khi vào học do bị bệnh, bị khuyết tật cơ thể, trước khi nộp hồ sơ, hãy thảo luận với trường.

Q Có bảng xếp hạng các trường đại học không?

A Mỗi tổ chức có bảng xếp hạng được lập dựa trên quan điểm và tiêu chuẩn riêng nhưng không có bảng xếp hạng chính thức, công khai của chính phủ Nhật Bản. Mặc dù trường xếp thứ hạng cao nhưng có thể không phù hợp với bạn nên hãy lắng nghe ý kiến của thầy cô, du học sinh đi trước hoặc xem thông tin trên trang web của JASSO, của các trường để tìm ra trường mà mình muốn học.

Q Để thi vào các trường ở Nhật Bản có bắt buộc phải đến Nhật dự thi không?

A Có nhiều trường sẽ tổ chức thi đầu vào tại Nhật Bản, nhưng cũng có những trường chỉ xét hồ sơ để quyết định xem đỗ hay trượt, hoặc tiến hành phỏng vấn Online, hoặc tổ chức thi tuyển ngay tại Việt Nam. (Tham khảo thủ tục trước khi sang Nhật để dự thi ở Trang 30 Mục ⑦).

HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY DU HỌC NHẬT BẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ đã bố trí các Điều phối viên du học của những trường Đại học được lựa chọn cho dự án với mục đích cung cấp thông tin liên quan tới du học và thúc đẩy hoạt động tuyển dụng những du học sinh xuất sắc. Hãy thu thập thông tin và thảo luận một cách tích cực!

Myanmar/Yangon
Đại học Okayama
https://studyinjapan-asean.jp/

Zambia/Lusaka
Đại học Hokkaido
https://www.hokkaido-university-lusakaoffice-zm.com/

Ấn Độ/New Delhi
Đại học Tokyo
https://www.u-tokyo.ac.jp/adm/utindia/ja/index.html

Brazil/Sao Paulo
Đại học Tsukuba
http://www.global.tsukuba.ac.jp/overseas/s%C3%A3o-paulo?language=ja

Nga, Khu vực CIS
Đại học Hokkaido, Tsukuba, Niigata
https://ja.study-in-japan-russia-cis.org/

Trung Đông, Bắc Phi
Đại học Kyushu
https://jmena.jp

TẬP HỢP THÔNG TIN

Các thông tin cơ bản về Du học Nhật Bản

• Xác nhận trên trang chủ của JASSO thông tin về Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/index.ht

Danh sách Đại sứ quán, Lãnh sự quán Nhật Bản, Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài (Bộ Ngoại giao)

https://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/zaigai/list/

Các thông tin dành cho Du học sinh
• Thông tin Du học Nhật Bản
• Thông tin Học bổng chính phủ Nhật Bản

※ Cũng có Đại sứ quán, Lãnh sự quán tổ chức tư vấn về du học.

Ngoài ra, trang Web dưới đây cũng cung cấp thông tin về Du học.

JAPAN STUDY SUPPORT

https://www.jpss.jp/ja/

• Tra cứu các trường
• Tra cứu học bổng
• Thông tin các kỳ thi nhập học
• Cuộc sống ở Nhật

Trang Thông tin Du học Nhật Bản

https://www.studyinjapan.go.jp/ja/

Cung cấp các thông tin cơ bản về Du học Nhật Bản
• Tra cứu các trường
• Thông tin học bổng
• Triển lãm du học, buổi thuyết trình về du học do JASSO tổ chức
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/other/event/

• Các địa điểm công khai tài liệu xúc tiến Du học Nhật Bản
Có thể xem sách giới thiệu của các cơ sở giáo dục Nhật Bản và tài liệu liên quan tới Du học Nhật Bản.
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/sjrf/

Trang Thông tin Du học Nhật Bản

Bản tiếng Nhật | Bản tiếng Anh

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Tầng 11 tòa nhà Báo Tiền Phong (cơ sở 2)
D29 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 2214 7815
CHI NHÁNH
145 Pasteur, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 39106962 – 39106963

HƯỚNG DẪN DU HỌC NHẬT BẢN 2021-2022
JASSO
(Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc – Tổng Biên tập: LÊ THANH HÀ
Biên tập: MAI THỊ ÁNH DUYÊN

Đối tác liên kết
Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc
161 Lý Chính Thắng, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

In 3000 cuốn, khổ 21 cm x 29,7 cm, tại Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc
Địa chỉ: 161 Lý Chính Thắng, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM
Số ĐK KHXB: 4812-2021/CXBIPH/35-170/TN
QĐXB số 610/QĐ-TN, ngày 25/12/2021
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2022

ISBN: **978-604-354-091-8**

Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản hi vọng sẽ trở thành nơi cung cấp thông tin đầy đủ về Du học Nhật Bản cho mọi người.

Pháp nhân hành chính độc lập - Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản (JASSO) là tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.
Là cơ quan trung tâm dẫn đầu trong việc hỗ trợ sinh viên, tiến hành một cách tổng hợp các hoạt động cho vay học bổng, hỗ trợ Du học sinh và hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo cao, giàu tính nhân văn, gánh vác được xã hội trong tương lai; đồng thời tăng cường sự hiểu biết, giao lưu quốc tế.

1 **Hoạt động cho vay học bổng**

Tiến hành hoạt động cho vay học bổng dành cho sinh viên Nhật Bản có thành tích xuất sắc nhưng gặp khó khăn trong học tập vì lý do kinh tế.
Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện chế độ học bổng đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên, cải cách thủ tục đăng ký, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới học bổng cũng như tiến hành thu hồi các khoản vay một cách hợp lý.

2 **Hoạt động hỗ trợ Du học sinh**

Tiến hành các hoạt động cấp học bổng cho Du học sinh, thực hiện các chương trình giao lưu giữa các Du học sinh, cải cách thủ tục nhập học dựa trên kỳ thi Du học Nhật Bản v.v., đẩy mạnh thu thập và cung cấp thông tin liên quan tới Du học.

3 **Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên**

Tiến hành thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về những hoạt động hữu ích liên quan tới hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, để đóng góp vào các hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên do các trường Đại học tổ chức.
Ngoài ra, thông qua các hoạt động thực tập, chúng tôi cũng góp phần hỗ trợ hoàn thiện các dịch vụ dành cho sinh viên các trường Đại học v.v.

JASSO

Independent Administrative Institution
Japan Student Services Organization

TEL: (+81)3-5520-6111 FAX: (+81)3-5520-6121
〒135-8630 2-2-1 Aomi, Koto-ku, Tokyo, Japan
infoja@jasso.go.jp

Văn phòng đại diện ở nước ngoài (Trung tâm Thông tin Giao lưu Giáo dục Quốc tế Nhật Bản, JASSO)

Indonesia TEL (+62) 21-252-1912

JASSO Japan Educational Information Center, Jakarta
Summitmas Tower 2, 2nd Floor, Jalan Jenderal
Sudirman KAV 61-62 Jakarta 12190 INDONESIA
Email: info@jasso.or.id
Web: https://www.jasso.or.id/
Facebook: https://www.facebook.com/jasso.indonesia
WhatsApp: https://api.whatsapp.com/send?phone=62212521912

Thái Lan TEL (+66) 2-661-7057

JASSO Japan Educational Information Center, Bangkok
1016/3, 10F Serm-mit Tower, 159 Asok-Montri Rd., Bangkok
10110 THAILAND
Email: info@jeic-bangkok.org
Web: http://www.jeic-bangkok.org/
Facebook: https://www.facebook.com/JASSO.Thailand

Việt Nam TEL (+84) 24-3710-0226

JASSO Vietnam Office
Tầng 4, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn
Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: info@jasso.org.vn
Web: https://www.jasso.org.vn/
Facebook: https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam

Hàn Quốc TEL (+82) 2-765-0141

JASSO Japan Educational Information Center, Seoul
#702 Garden Tower, 84 Yulgok-ro, Jongno-gu,
Seoul 03131 REPUBLIC OF KOREA
Email: jasso@jasso.or.kr
Web: https://www.jasso.or.kr/
Facebook: https://www.facebook.com/JASSO.Korea
Instagram: https://www.instagram.com/jasso.korea/

Malaysia TEL (+60) 3-2287-0812

JASSO Japan Educational Information Center, Kuala Lumpur
A-7-5, Northpoint Offices, Mid Valley City, No.1, Medan Syed Putra
Utara, 59200 Kuala Lumpur, MALAYSIA
Email: enquiry@studyinjapan.org.my
Web: http://www.studyinjapan.org.my/
Facebook: https://www.facebook.com/JASSO.Malaysia

Hoạt động của Văn phòng đại diện tại nước ngoài:

- Cung cấp thông tin qua email, thư, điện thoại, thảo luận trực tiếp.
- Mở thư viện trưng bày thông tin giới thiệu về trường, danh sách trường, tài liệu tham khảo về Du học Nhật Bản.
- Cung cấp thông tin qua các buổi hội thảo, sự kiện về Du học Nhật Bản.

https://www.studyinjapan.go.jp/ja/other/contact/

ISBN: 978-604-354-091-8
9 786043 540918

In 3000 cuốn, khổ 21 cm x 29,7 cm, tại Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc. Số ĐK KHXB: 4812-2021/CXBIPH/35-170/TN, QĐXB số 610/QĐ-TN, ngày 31/12/2021. Mã ISBN: 978-604-354-091-8. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2022

Sách không bán. Không đăng tải khi chưa được phép.